

Số: **177.9**/CV-ACBS.26

No: **177.9**/CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2026

HCMC, September 30, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam*;
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*.

1. Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Name of organization: ACB Securities Company

- Mã thành viên/ *Broker code*: 006

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC.

- Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Telephone: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

- E-mail: cbtt@acbs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ **Contents of disclosure**:

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố Thông báo phát hành và Bản cáo bạch chào bán bổ sung 07 chứng quyền có đảm bảo như sau:

ACB Securities Company (ACBS) would like to announce the Covered Warrant Issuance Notice and Prospectuses for the additional offering of 07 covered warrants as follows:

1. Chứng quyền **FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán bổ sung chứng quyền số 457/GCN-UBCK ngày 28/9/2026);

*Covered Warrant **FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93** (According to the Certificate of Registration for the Additional Offering of Covered Warrants No. 457/GCN-UBCK dated September 28, 2026);*

2. Chứng quyền **MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán bổ sung chứng quyền số 458/GCN-UBCK ngày 28/9/2026);



Covered Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94 (According to the Certificate of Registration for the Additional Offering of Covered Warrants No. 458/GCN-UBCK dated September 28, 2026);

3. Chứng quyền **VHM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/96** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán bổ sung chứng quyền số 459/GCN-UBCK ngày 28/9/2026);
Covered Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/96 (According to the Certificate of Registration for the Additional Offering of Covered Warrants No. 459/GCN-UBCK dated September 28, 2026);
4. Chứng quyền **VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/97** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán bổ sung chứng quyền số 460/GCN-UBCK ngày 28/9/2026);
Covered Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/97 (According to the Certificate of Registration for the Additional Offering of Covered Warrants No. 460/ GCN-UBCK dated September 28, 2026);
5. Chứng quyền **VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán bổ sung chứng quyền số 461/GCN-UBCK ngày 28/9/2026);
Covered Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98 (According to the Certificate of Registration for the Additional Offering of Covered Warrants No. 461/ GCN-UBCK dated September 28, 2026);
6. Chứng quyền **VPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/99** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán bổ sung chứng quyền số 462/GCN-UBCK ngày 28/9/2026);
Covered Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/99 (According to the Certificate of Registration for the Additional Offering of Covered Warrants No. 462/ GCN-UBCK dated September 28, 2026);
7. Chứng quyền **VRE/ACBS/Call/EU/Cash/10M/100** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán bổ sung chứng quyền số 463/GCN-UBCK ngày 28/9/2026);
Covered Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/10M/100 (According to the Certificate of Registration for the Additional Offering of Covered Warrants No. 463/ GCN-UBCK dated September 28, 2026);

Chi tiết theo file đính kèm/ *Details in attached file.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/9/2026 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.

This information was published on the company's website on September 30, 2026, as in the link <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin
công bố/ Documents on disclosed
information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information

Giám đốc Nhân sự Đinh Nam

Chief Human Resources Officer



Võ Đình Nam



CÔNG TY TNHH CHỨNG
KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 177.5 /CV-ACBS.26

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2026

Number: 177.5 /CV-ACBS.26

Ho Chi Minh City, September 30, 2026

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH BỔ SUNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
NOTICE OF ADDITIONAL ISSUANCE OF COVERED WARRANTS

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 461/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/09/2026)

(Certificate of Covered Warrant Issuance No.461/GCN-UBCK approved by Chairman of the State Securities Commission on September 28, 2026)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Name of issuing organization: ACB Securities Company
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Headquarters: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
- Số điện thoại/Tel: (028) 7300 7000
- Số Fax/Fax: 028 7300 3751
- Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có
Name and address of underwriting organization: N/A
- Thông tin về chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán:
Information of covered warrant issued:
 - Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98 ✓
Covered warrant name: Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98
 - Mã chứng quyền có bảo đảm: CVNM2605 ✓
Covered warrant code: CVNM2605
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VNM
Underlying Security Code: VNM ✓
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam
Underlying Security Issuer: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
 - Loại chứng quyền: Mua
Warrant type: Call
 - Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn



- *Exercise type: A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
 - Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Settlement type: Cash settlement
 - Thời hạn: 10 tháng
Term: 10 months
 - Ngày đáo hạn: 15/02/2027
Maturity date: 15 February, 2027
 - Tỷ lệ chuyển đổi: 5,8148:1
Conversion ratio: 5.8148:1
 - Giá thực hiện (chỉ số thực hiện): 62.993 đồng
Exercise price: 62,993 dong
 - Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 1.450.000.000 đồng
The value of the collateral for payment security obligation: 1,450,000,000 dong
7. Số lượng đăng ký chào bán bổ sung: 5.000.000 chứng quyền
Additional offering number: 5,000,000 warrants
8. Giá chào bán: 580 đồng/chứng quyền
Offering price: 580 dong per warrant
9. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đã phát hành: 11.000.000 chứng quyền
Number of covered warrants already issued: 11,000,000 warrants
10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Tối thiểu 1.000 chứng quyền đến tối đa 10.000 chứng quyền phân phối cho mỗi nhà đầu tư đăng ký mua, và là bội số của 100
Bidding volume per investor: From a minimum of 1,000 warrants to a maximum of 10,000 warrants allocated to each bidding investor, and in multiples of 100
11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 08h:00 ngày 02/10/2026 đến 17h:00 ngày 06/10/2026
Timeline for purchase registration: From 08:00 02 October, 2026 to 17:00 06 October, 2026
12. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng quyền và công bố Bản cáo bạch:
- Nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua thông qua kênh online:
 - Tại web SMART.acbs.com.vn
 - Qua ứng dụng ACBS SMART
 - Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận, nhà đầu tư tham khảo tại website của ACBS theo đường dẫn www.acbs.com.vn

Place for warrants purchase registration and Prospectus:

- Investors can register to purchase warrants according to the instructions at:
 - Website: SMART.acbs.com.vn
 - ACBS SMART app
- For the Prospectus of the warrants approved by SSC, please visit website at: www.acbs.com.vn

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm:

- Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
- Số tài khoản: 8680105331 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Bank where the escrow account for covered warrant opened:

- Account holder: ACB SECURITIES COMPANY
- Account No.: 8680105331 at BIDV – Nam Ky Khoi Nghia Branch

14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư:

Commitment to fulfill issuer's obligations to warrant holders:

Công ty cam kết thực hiện tất cả các nghĩa vụ liên quan của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền như đã công bố theo bản cáo bạch và quy định của pháp luật liên quan

We undertake to perform all relevant obligations of an issuer to the warrant holders in accordance with the specified terms in the prospectus and relevant laws and regulations.



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

BY AUTHORIZATION OF THE PRESIDENT & CEO

Giám đốc Nhân sự

Chief Human Resources Officer



Võ Đình Nam

The State Securities Commission granting the Certificate for Offering of Covered Warrants only means that the Issuer's registration application has met the conditions and procedures under relevant laws. It does not imply a guarantee of the Prospectus content, nor does it imply that the investment in warrants is guaranteed or fully settled, nor does it endorse the Issuer's objectives, investment strategies, or business plans.

Investors are recommended to read carefully and understand the regulations in the Prospectus, especially the risk warning section from page 04 in this Prospectus, and note the fees, charges, and taxes when trading covered warrants.

The trading price of warrants may change depending on market conditions; investors may suffer losses on their capital and may lose the entire investment capital. Information on the performance of the Issuer and previously issued warrants (if any) is for reference only and does not mean that the investment will generate profit for investors.



PROSPECTUS ACB SECURITIES COMPANY

(Operation License No. 06/GPHDKD

issued by the State Securities Commission on June 29, 2000

Amendment License No. 62/GPDC-UBCK dated May 29, 2026)

ACBS

SUPPLEMENTARY OFFERING OF COVERED WARRANTS

*(Certificate of Registration for Offering of Covered Warrants No. ~~461~~ /GCN-UBCK
granted by the Chairman of the State Securities Commission on ~~28~~ /09/2026)*

Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98

This prospectus and supplementary materials will be available from the date of this announcement at:

ACB SECURITIES COMPANY

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Phone: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Website: www.acbs.com.vn

Email: acbs@acbs.com.vn

PERSON IN CHARGE OF INFORMATION DISCLOSURE

Mr. Vo Dinh Nam

Position: Head of Human Resources

Phone: (028) 7300 7000

Ho Chi Minh City, ~~September~~ 2026

ACB SECURITIES COMPANY

(Operation License No. 06/GPHDKD

issued by the State Securities Commission on June 29, 2000

Amendment License No. 62/GPDC-UBCK dated May 29, 2026)

SUPPLEMENTARY OFFERING OF COVERED WARRANTS

No.	Item	Content
1.	Warrant name	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98
2.	Warrant code	CVNM2605
3.	Name (code) of the underlying securities	VNM
4.	Underlying securities issuer	Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
5.	Warrant type	Call warrant
6.	Exercise type	A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
7.	Settlement type	Cash settlement
8.	Warrant term	10 months
9.	Expected issuance date	Within 10 (ten) working days from the date of issuance of the Certificate of Registration for Offering Covered Warrants by the State Securities Commission.
10.	Expected last trading day	02 working days before the maturity date
11.	Expected maturity date	February 15, 2027
12.	Conversion ratio	5.8148:1 (five point eight one four eight warrants for one share)
13.	Expected exercise price	62,993 VND/share
14.	The value of collateral for payment security obligations	50% of the value of warrants permitted to be offered
15.	Expected offering price	The closing price of the warrant on the trading day immediately preceding the date of publication of the Warrant Issuance Notice
16.	Total number of supplementary offerings	5,000,000 (five million) warrants
17.	Supplementary offering registration price used to determine the warrant value	590 VND (five hundred ninety VND)/warrant (being the closing price of the warrant on July 14, 2026)
18.	Total offering value (expected)	2,950,000,000 (two billion nine hundred fifty million) VND

UNDERWRITING ORGANIZATION: None

ADVISORY ORGANIZATION: Not applicable

AUDIT ORGANIZATION

KPMG Limited Company Branch

- Address: No. 115 Nguyen Hue Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 3821 9266
- Website: <https://home.kpmg/vn/vi>.

CUSTODIAN BANK

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch

- Address: No. 56 (former), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website : www.bidv.com.vn



TABLE OF CONTENT

I. RISK FACTORS	3
1. Risks associated with the warrant issuer	4
2. Risks associated with warrant products	5
3. Risks associated with the underlying securities	6
4. Other risks	6
4.1. Economic risks	6
4.2. Legal risks	7
4.3. Political risk	7
4.4. Tax risks when exercising rights	7
II. PERSONS PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THE PROSPECTUS	7
1. Issuer	7
2. Underwriting organization, advisory organization	8
III. CONCEPTS	8
IV. INVESTMENT OPPORTUNITIES	10
1. Overview of the Vietnamese economy	10
2. Vietnam's financial market and investment opportunities	11
3. Investment opportunities in warrants	12
V. INFORMATION ABOUT THE COVERED WARRANT ISSUER	13
1. General information about the covered warrant issuer	13
1.1. Summary of establishment and development history	13
1.2. Organizational structure of the Company	16
1.3. Management structure of the Company	19
1.4. List of capital-contributing members (name, address, ownership ratio) holding 5% or more of the Company's contributed capital and related parties; list of founding members and their ownership ratios (if any transfer restrictions remain effective)	24
1.5. List of the Issuer's parent companies and subsidiaries, companies in which the Issuer holds control or a controlling interest, and companies that control or hold a controlling interest in the Issuer	25
1.6. Information on the Issuer's management team	25
1.7. Information on risk management personnel relating to warrant issuance activities: experience, expertise, reputation and capability	29
2. Information regarding the performance of the Issuer	29



2.1. Summary of the Issuer's operations	29
2.2. Report on business performance for the years 2024–2025 and Q2/2026.....	32
2.3. Warrants issued by the Company:	32
3. Financial situation.....	40
3.1. Payment of debts due.....	40
3.2. Statutory amounts payable.....	40
3.3. Total outstanding borrowings.....	40
3.4. Current debt situation (total receivables, total payables)	40
3.5. Key financial indicators.....	40
VI. INFORMATION REGARDING COVERED WARRANTS.....	41
1. General information on the warrants	41
1.1. Information on the warrants offered.....	41
1.2. Information about previous issuances of similar warrants (for the case of a supplementary offering): N/A.....	43
2. Information on the underlying securities and the underlying securities issuer	44
2.1. Information on the underlying securities.....	44
2.2. Information on the underlying securities issuer:	44
3. Warrant distribution period	46
4. Warrant subscription.....	47
5. Cancellation of the covered warrant offering	48
6. Exercise of warrants	48
6.1. When warrants reach their maturity date, payment will be made as follows (assuming that day T is the last registration date, which is also the maturity date, and T is calculated in working days):	48
6.2. Measures to be taken in case the Issuer becomes insolvent:	50
7. Rights of warrant holders	51
8. Warrant adjustments	51
9. Fees, charges and taxes arising from trading or exercising warrants	51
10. Market-making activities.....	53
VII. PAYMENT SECURITY PLAN FOR HOLDERS OF COVERED WARRANTS.....	54
1. Payment to warrant holders is secured by the following sources of assets	54
2. In the event that there are insufficient assets to settle the warrant exercise, the settlement of rights for covered warrant holders shall be carried out in accordance with the relevant laws applicable to partially secured creditors.....	54
VIII. RISK MANAGEMENT OF COVERED WARRANTS.....	54
1. Risk management process	54
1.1. Role of senior management in monitoring risk management, including the roles of relevant	



departments.....	54
1.2. Risk management process	55
1.3. Transaction controls, credit limits and margin requirements (as specific to the Issuer)	59
1.4. Credit rating agency: None.....	59
2. Risk hedging plan	59
2.1. Purpose of hedging	59
2.2. Organization of hedging activities.....	59
2.3. General implementation principles.....	60
3. Experience in warrant issuance:	63
IX. PARTIES RELATED TO THE OFFERING.....	71
1. Audit organization	72
2. Custodian Bank.....	72
3. Underwriting organization or distribution agent, advisory organization	72
X. CONFLICT OF INTEREST	72
XI. UNDERTAKINGS	72
XII. INTRODUCTION TO LEGAL DOCUMENTS RELATING TO WARRANT ISSUANCE	73
XIII. APPENDIX	73

(The rest of the page is intentionally left blank)

I. RISK FACTORS

Investors are advised to carefully read this prospectus and the accompanying documents to fully understand the contents of the covered warrants, the risks associated with investing in covered warrants, and at the same time assess the suitability of the investment in the covered warrant product with their investment objectives and financial situation. Investors are strongly advised to consult financial advisors, securities brokers or analysts prior to making any investment decision relating to this product.

Covered warrants are derivative financial instruments, complex in nature and not suitable for inexperienced investors. The issuer does not recommend any investment in covered warrants unless investors have a full understanding of the product and are willing to accept the investment risks described herein.

The issuer does not undertake any obligation to conduct investigations or research related to the underlying securities issuer. Warrant holders must not construe the issuance of covered warrants as any form of recommendation by the Issuer in relation to the underlying securities. In addition, holders should be aware that the companies or entities with underlying securities, or other related entities were not involved in the drafting of this prospectus.

1. Risks associated with the warrant issuer

- Risks from the issuer's transactions: The issuer may buy back warrants in the market, and these warrants can be held or canceled or resold. The issuer may enter into transactions for hedging purposes, and such transactions may have an impact on the market price of the covered warrants.
- Payment Risk: In the process of issuing warrants, although strict standards of solvency must always be complied with by the issuer, there is a risk that the issuer may become insolvent and unable to fulfill its payment obligations to covered warrant holders.
- Risk of warrant delisting: Warrants may be compulsorily delisted in the cases stipulated in Clause 6, Article 120 of Decree No. 155/2020/ND-CP as amended and supplemented. Therefore, there is a risk of warrants being delisted before the maturity date. The specific cases are as follows:
 - a. The underlying securities are delisted or their stock index cannot be determined;
 - b. The registration dossier for the offering of covered warrants contains inaccurate information or omits important details that could affect investment decisions, causing losses to investors; or when it is discovered that the issuer has not deposited sufficient funds to guarantee payment or does not have a bank guarantee for payment;
 - c. Issuer violates its risk hedging obligations or seriously violates its market-making obligations, leading to its market-making activities terminated in accordance with the regulations of the Stock Exchange.



- d. The warrants have either been fully exercised or have expired;
- e. The listed company has its Operating license in the specialized field revoked.
- Risks from the Issuer's Autonomy: Warrant holders should note that we have autonomy in our business operations in accordance with the terms of this Prospectus and may influence the warrant price. In the event of an acquisition or restructuring related to covered warrant holders' interests, we have the right to choose which warrant-related activities we deem appropriate. The issuer is committed to making prudent decisions. If parties with obligations to the issuer are unable to fulfill their obligations, this may affect the warrant's performance.
- Risk due to conflict of interest: The issuer is involved in various activities that may create a conflict of interest with the warrant holder. The issuer can issue and list other warrants that could affect the price of this warrant.

2. Risks associated with warrant products

- General investment risk: Holders should be knowledgeable about warrant valuation methods and should only trade after careful consideration. Warrants are suitable for investors who understand the risks and pricing mechanisms involved. An investment in warrants is not equivalent to an investment in the underlying asset. Although the return of an investment in warrants is closely related to changes in the price of the underlying asset, the change in warrant price relative to changes in the underlying asset price may not be equivalent. The high leverage of warrants means that holders will have a higher investment risk compared to investing the same value in the underlying asset.
- Risk due to the maturity date of warrants: Because warrants have an maturity date, their price can decrease as the maturity date approaches, and this price reduction can be quite significant. If an investor holds the warrant until the maturity date and the settlement price is less than or equal to the exercise price, the warrant's price will be zero, resulting in a loss equal to the amount invested in purchasing the warrant. Therefore, before deciding to invest in warrants, investors need to carefully study the price trend of the underlying security during the warrant's validity period.
- Price risk: This is the risk arising from changes in the price of warrants. Changes in warrant price depend on many factors such as the price of the underlying security, the degree of volatility of the underlying security's price, the remaining validity period of the warrant, interest rates, dividends of the underlying security, etc., among which the most important factor is the price of the underlying security. In addition, the price of warrants also depends on the supply and demand of the warrant market. Although issuers usually issue warrants volume according to the registered quantity with the State Securities Commission, the issuer can still increase the volume of warrants offered through supplementary issuance, provided that the issuance limit does not exceed the maximum issuance limit stipulated by the State Securities Commission. This



supplementary issuance can affect the price of the warrants.

- **Leverage risk:** Investing in warrants only involves the change in the price of the underlying security and not directly investment in the underlying security. Therefore, investors benefit from the leverage nature of warrants by being able to receive the full change in the price of the underlying security while only having to pay a portion, not the full price of the underlying security. Additionally, the rate of change in the warrant's price on the market can be greater than the rate of change in the underlying security's price, so investors can gain profit or lose more than they would by directly investing in the underlying security.
- **Liquidity risk:** This is the risk that investors cannot sell warrants at their desired price due to a lack of liquidity in the market for those warrants. The liquidity of warrants depends on market supply and demand and the effectiveness of the issuer's market-making activities. Although the issuer commits to market-making and providing liquidity to the warrant market, the issuer does not guarantee that the warrant trading market will be active.
- Investors holding warrants do not have the same rights as shareholders owning the underlying security, including but not limited to the right to attend the General Meeting of Shareholders, receive dividends, the right to subscribe to newly issued shares, or other rights arising from the underlying security.

3. Risks associated with the underlying securities

Certain events (including the issuance of bonus shares or cash distributions by the Company, splitting or consolidation of the underlying securities, or restructuring events affecting the Company) may lead to adjustments to the warrants terms. However, the issuer is not obligated to adjust the terms and conditions of the warrants for every event related to the underlying securities. Any adjustments or non-adjustments decision will affect the value of the warrants. Warrant adjustments will be made in accordance with legal regulations. Additionally, certain events (including delisting or suspension of trading of the underlying securities) may result in the warrants being delisted or suspended in accordance with legal regulations.

4. Other risks

4.1. Economic risks

In a market economy, the business activities of enterprises are generally closely linked to the development of the Vietnamese economy. Economic growth creates many opportunities for businesses to develop, expand production and business activities, and attract more foreign investment. In the trend of global economic integration, businesses will face numerous challenges due to competitive pressure, market penetration, and expansion into new markets. Economic development prospects are always affected by many unpredictable and volatile factors, which, when they occur, quickly and directly impact business operations. This indirectly affects the development



of the stock market in general and the development of warrants in particular.

4.2. Legal risks

Currently, Vietnam's legal framework is being perfected and constantly updated to align with the general development trends of the economy and society. Therefore, enhancing the stability of State legal policies is crucial for businesses, especially as the Vietnamese economy gradually integrates with the continuous development of the global economy. To mitigate the risks associated with legal issues, businesses, including ACBS, will proactively and regularly update their knowledge of legal regulations to make appropriate adjustments during operations.

Operating as a Limited Liability Company, ACBS is governed by the Enterprise Law, the Securities Law, and related guiding documents. Any changes to these legal documents will affect the Company's operations.

4.3. Political risk

Political events and changes in government policy will always affect the economy and, consequently, the business operations of enterprises.

4.4. Tax risks when exercising rights

According to tax regulations, when exercising rights to warrants that expire in a profitable state, investors may face the risk that the amount of tax they have to pay may exceed the amount of payout they receive. Therefore, investors need to consider these issues during their investment process.

The business operations of the issuer, as well as the expectations of investors, may be affected by other force majeure risks such as natural disasters, epidemics, wars, or the impact of political and social changes in the world, etc. This not only affects the business operations of the issuer but also the issuer of the underlying securities, thereby indirectly affecting the price of warrant products.

II. PERSONS PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THIS PROSPECTUS

1. Issuer

ACB SECURITIES COMPANY (ACBS)

Mr. Do Minh Toan	Position: Chairperson of Board of Member.
Mr. Nguyen Duc Hoan	Position: President & CEO.
Mr. Vo Van Van	Position: Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant.
Mr. Huynh Hieu Nghia	Position: Supervisor.

We warrant that the information and figures in this Prospectus are accurate, truthful, and we commit to being responsible for the truthfulness and accuracy of such information and figures in



accordance with the facts as we reasonably aware of, or have investigated and collected.

2. Underwriting organization, advisory organization:

None.

III. CONCEPTS

- **ACBS; Issuer** : ACB Securities Company.
- **UBCKNN** : State Securities Commission of Viet Nam.
- **SGDCK** : Stock Exchange.
- **HOSE** : Ho Chi Minh City Stock Exchange.
- **HNX** : Hanoi Stock Exchange.
- **VSDC** : Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
- **The underlying securities issuer** is the organization that issues the securities as the underlying asset of the warrant.
- **TNHH** : Limited Liability Company.
- **MTV** : Single-member.
- **CTCP** : Joint Stock Company.
- **VND** : Vietnamese Dong.
- **CBCNV**: Employees.
- **SVCK**: Year-on-year.
- **DN**: Enterprise.
- **XNK**: Export and import.
- **NSNN**: State Budget.
- **Covered warrant** means a type of security with collateral issued by a securities company, which allows the holder to receive the difference between the exercise price and the underlying securities price at the time of exercise.
- **Call warrants** are warrants where the holder receives the difference when the underlying securities price is higher than the exercise price at the time of exercise.
- **Underlying securities** are securities that are used as the underlying asset of warrants.
- **The underlying securities issuer** is the organization that issues securities as the underlying asset of the warrant.
- **Warrant issuer** (hereinafter referred to as issuer, or issuer) is a securities company that



issues warrants.

- **A custodian bank** is a bank that deposits and supervises assets deposited by the warrant issuer to secure payment for the issued warrants, and is not a related person of the issuer in accordance with the securities law.
- **The warrant holder** is an investor who owns warrants, who is also a partially secured creditor of the issuer, but is not the warrant issuer.
- **The exercise price** is the price used by the issuer to determine the payment to the warrant holder.
- **Conversion ratio** indicates the number of warrants required to be converted into a unit of the underlying security. The conversion ratio is rounded to four decimal places
- **Maturity date** means the date on which the warrant expires.
- **Outstanding warrants** are warrants that have not yet expired and are currently held by the warrant holder.
- **Issued but not outstanding** are warrants that have been issued but not yet owned by investors.
- **Issuer's open warrant position** includes all outstanding warrants that have not yet been exercised.
- **The theoretical hedging position** is the expected quantity of underlying securities required to be held to hedge against risks for warrants, as determined in accordance with the issuer's hedging plan.
- **The actual hedging position** is the position determined by the quantity of actual underlying securities held, the quantity of underlying securities pending delivery in the proprietary trading account used for hedging purposes, the quantity of securities arising from the exercise of rights (stock dividend payments, share issuances to increase share capital from owner's equity) derived from the actual securities held in the proprietary trading account used for hedging purposes, and the converted quantity of securities in the event that the issuer uses hedging securities that share the same underlying security as the warrants. Securities sharing the same underlying security as the warrants include actual securities held in the proprietary trading account and securities pending delivery in the proprietary trading account.
- **In-the-money warrant (ITM)** is a call warrant whose exercise price is lower than the price of the underlying security.
- **Out-of-the-money warrant (OTM)** is a call warrant whose exercise price is higher than the price of the underlying security.



- **At-the-money warrants (ATM)** are call warrants whose exercise price is equal to the price of the underlying security.
- **Delta; Delta hedging factor** is the change in the warrant price in response to a change in underlying price, calculated based on the Black-Scholes formula.

Delta calculation formula:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Change in warrant price}}{\text{Change in underlying price}}$$

- **The Black-Scholes formula** is a mathematical formula used to price financial instruments, most notably European options, assuming that the prices of these instruments follow a normal distribution.
- **The settlement price of the warrant upon exercise of the right** is the average closing price of the underlying securities during the five (05) trading days immediately preceding the maturity date, excluding the maturity date.

IV. INVESTMENT OPPORTUNITIES

1. Overview of the Vietnamese economy

August data continued to reinforce the growth outlook for Q3/2026, but was not yet sufficient to confirm that the economy had entered a broad-based breakout trajectory. Industrial production, FDI capital and public investment disbursement all improved markedly, while the Manufacturing PMI rose to 53.3 points. Accordingly, the current period is viewed as a manufacturing- and investment-led growth cycle, although transmission to consumer demand, the labor market and domestic exporters remained uneven.

- The strongest growth momentum remains concentrated in the manufacturing sector. The Industrial Production Index (IIP) rose 14.4% YoY in August and 11.9% in the first eight months of 2026 (8M26), with manufacturing up 12.5% YTD. Realized FDI reached USD 17.25 billion (+12.0% YoY), of which manufacturing accounted for 82.6%; meanwhile, state-budget investment accelerated by 24.1% YoY in August. S&P Global's survey recorded strong increases in output and total new orders; however, renewed declines in new export orders and employment indicate that it remains relatively early to translate this growth outlook into a broad-based production-capacity expansion investment thesis.
- The quality of growth continued to show significant divergence. Nominal retail sales increased by 13.3% YoY in 8M26, while real growth (excluding price effects) reached only 7.6%. Although the trade deficit narrowed to USD 0.11 billion in August, this mainly reflected weaker import activity from both domestic and FDI sectors. In 8M26, electronics exports grew by 51.1%, while textiles rose only 1.6% and footwear 0.7%. The economy's



growth engine is therefore becoming increasingly concentrated in the technology and capital-goods complex led by the FDI sector.

- Inflationary pressure continued to be a major constraint and narrowed the room for policy maneuver. CPI increased by 0.47% MoM and 4.89% YoY, driven largely by the transport group, which rose 4.09% and contributed as much as 0.41 percentage points to the monthly CPI increase, as diesel and gasoline prices rose 22.15% and 9.53%, respectively. Core CPI, meanwhile, increased by 0.11% MoM and 4.55% YoY. Notably, this energy-price pass-through shock remained in progress while tax incentives for petroleum products were still effective through the end of September, indicating that the transmission pressure from higher international refined-product prices was substantial and exceeded domestic policy buffers.
- The base case is that Q3 economic growth will continue to maintain momentum, although policy space has narrowed and the transmission effectiveness of support packages remains incomplete. At the same time, institutional reforms continue at a high frequency, covering bank balance-sheet safety requirements, capital market development, localization of FDI flows, improvements to the business environment, and tax policies for household businesses. The actual value to the stock market at this stage will depend on the extent to which funding costs ease, domestic value added increases, project implementation bottlenecks are removed, and the private sector is stimulated.

(Source: Statistics Office - Ministry of Finance, S&P Global, ACBS compilation)

2. Vietnam's financial market and investment opportunities

Considering price trends, by the end of August 2026, the VNIndex had recovered the decline recorded in July and was trading above the MA200. Looking at individual large-cap stocks in the VN30, the MA200 price zone remains an important reference level being tested by the market. Several bank stocks have recovered above the MA200, including TCB, MBB and VPB.

In terms of valuation, the P/E ratio of the VNIndex is around 12.x and the VN30 around 13.x. This valuation, in the context of Vietnam's GDP growth targeting double digits in 2026, creates investment attractiveness in the Vietnamese stock market over the next 6-12 months from a growth-versus-valuation perspective.

In terms of liquidity, the average trading value on the VNIndex in August 2026 was around VND 19.3 trillion per session, sharply lower than the 2025 average of VND 26.5 trillion per session.

Figure. The VNIndex is correcting below the MA200 zone to test a new trend.



(Source: Fireant.vn, ACBS compilation)

3. Investment opportunities in warrants

Cover Warrants are a product issued by securities companies, listed and traded on the HOSE (Ho Chi Minh Stock Exchange). This product provides investors with a risk hedging tool, as well as diversification and increased efficiency for their investment portfolios when the stock market experiences significant volatility. With high leverage, this is an opportunity for investors with small capital to access shares of good companies in the market through warrants. A small change in the price of the underlying security can lead to a larger change in the price of the warrant.

The price of a call option depends heavily on the price of the underlying security, the overall market trend, and several other factors. When investing in call options, the potential profit is unlimited if the price of the underlying security moves upwards as expected. Meanwhile, the maximum loss is fixed if the price of the underlying security moves downwards as predicted, and this loss is also the cost of purchasing the call option for the investor.

The timing and methods for trading warrants are similar and convenient to those for underlying securities traded on the HOSE. Investors do not need to open a separate trading account to invest in warrants. Furthermore, issuers must fulfill their market-making obligations for the warrants they issue, as stipulated by regulations, which contributes to ensuring liquidity and attracting more interested investors.

For foreign investors, warrants are an attractive investment product because there are no limits on the percentage of foreign investment, unlike when investing in underlying securities. Therefore, the Vietnamese stock market in general, and warrants in particular, will attract international financial institutions, creating a broader playing field for investors and demonstrating the professionalism of the market.

However, because warrants are a type of security with unique characteristics, we recommend that investors conduct thorough research before making investment decisions in order to minimize potential risks and losses.



V. INFORMATION ABOUT THE COVERED WARRANT ISSUER**1. General information about the covered warrant issuer****1.1. Summary of establishment and development history**

ACB Securities Company (ACBS) was established under business license No. 06/GPHDKD issued by the State Securities Commission (SSC) on June 29, 2000. Its head office is located at: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City. ACBS's current charter capital is VND **11,000** billion.

In 2000: The State Securities Commission granted Operating License No. 06/GPHDKD dated June 29, 2000 for the establishment of ACB Securities Company, wholly owned by Asia Commercial Joint Stock Bank. Initial charter capital was VND 43 billion (forty-three billion Vietnamese dong). From the commencement of operations, ACBS was licensed by the State Securities Commission to conduct securities business activities as prescribed by law: securities brokerage; securities dealing; securities underwriting; portfolio management; and securities investment advisory.

2005: ACBS completed its first capital increase, raising its charter capital to VND 100 billion (One hundred billion dong).

Year 2006: In May 2006, charter capital was increased for the second time to VND 250 billion (two hundred and fifty billion VND).

2007: In September 2007, the company completed its third capital increase, raising its charter capital to VND 500 billion (Five hundred billion dong). ACBS officially launched its online trading system, enabling internet-based transactions secured by digital certificates.

In 2008: On January 14, 2008, ACBS made its fourth capital increase, bringing charter capital to VND 1,000 billion (one thousand billion Vietnamese dong). At the same time, the Portfolio Management business was terminated in accordance with regulations of the State Securities Commission.

2009: On November 4 2009, ACBS completed its fifth capital increase, raising its charter capital to VND 1,500 billion (One thousand five hundred billion Vietnamese Dong). Brand positioning with core values: Safety, Accuracy, Confidentiality, Creativity.

In 2010: ACBS put into operation trading services through the 1900 5555533 telephone hotline. The security method for Internet transactions was changed from USB Token digital certificates.

2011: ACBS was honored by Asiamoney Magazine with a number of prestigious awards,



including: Best Customer Service Quality; Best Trade Exercise; Best Event and Seminar Organization; Best Investment Opportunity Presentation and Corporate Meeting Organization; and Best Broker.

In 2012: ACBS officially deployed the SWIFT electronic connectivity solution with foreign custodian banks. ACBS ranked third in brokerage market share on both HOSE and HNX.

Year 2013: Launched ACBS Trading software for mobile devices using the iOS.

2014: On June 13 2014, ACBS relocated its head office to 41 Mac Dinh Chi Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City. The core values changed: Integrity, Efficiency, Harmony, Prudence, Innovation.

2015: Officially launched a new, modern, safer, and more secure trading system. Launched the ACBS Trading platform for desktops, laptops, and mobile devices using the Android operating system. Recognized among the Top 10 Most Representative Securities Companies in the Vietnamese stock market.

2016: On January 6, 2016, the new brand identity system was launched and officially put into use, based on the core values of "Trustworthy - Friendly - Agility". On April 22, 2016, Inaugurated the Bau Cat Transaction Office; the new trading system was successfully improved to be more modern, efficient, secure, and reliable; and the company was one of four securities companies honored and awarded a certificate of merit by the People's Committee of Ho Chi Minh City for its outstanding performance over consecutive years.

In 2017: ACBS launched the ACBS trade application for online securities trading on iOS and Android; organized the 'TRADE PRO 2017' competition for students in economics, finance, securities or banking who were interested in securities in Ho Chi Minh City. ACBS was honored among the Top 10 outstanding member securities companies; and launched the Top Trader - Talented Investor program.

2018: Continued to organize the ACBS Trade Pro competition for students interested in securities and those majoring in economics, finance, securities, or banking in Ho Chi Minh City. Celebrated the 18th anniversary of ACB Securities Company. Honored among Top 10 outstanding member securities companies of both HNX and HSX.

In 2019: On May 20, ACBS signed a cooperation agreement with EFG Hermes. Cho Lon Branch relocated its operations to 321-323 Tran Phu Street, Ward 08, District 05, Ho Chi Minh City.

2020: The company issued its first covered warrants and achieved a highly successful initial offering, with the subscription volume exceeding 50% in its initial IPO.

2021: ACBS increased its charter capital to VND 3,000 billion (Three trillion VND). Launched the S-eyes, an online securities account opening service integrated eKYC technology.

2022: ACBS relocated its Head Office to the 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City. Released a comprehensive upgrade of mobile trading application, The ACBS SMART with a modern and market-aligned interface.

2023: ACBS increased its charter capital to VND 4,000 billion (Four trillion VND), and concurrently established the Mac Dinh Chi Branch and the Dong Saigon Branch. It was honored as an Outstanding Member in Securities Depository Operations in 2023 by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

2024: ACBS increased its charter capital to VND 7,000 billion (Seven trillion dong). Successfully implemented a new securities trading system (trading core); was honored as one of the Top 10 reputable companies in the Financial ndustry in 2024 by Vietnam Report and Vietnamnet newspaper; and won the Asian Outstanding Enterprise award, granted by APEA.

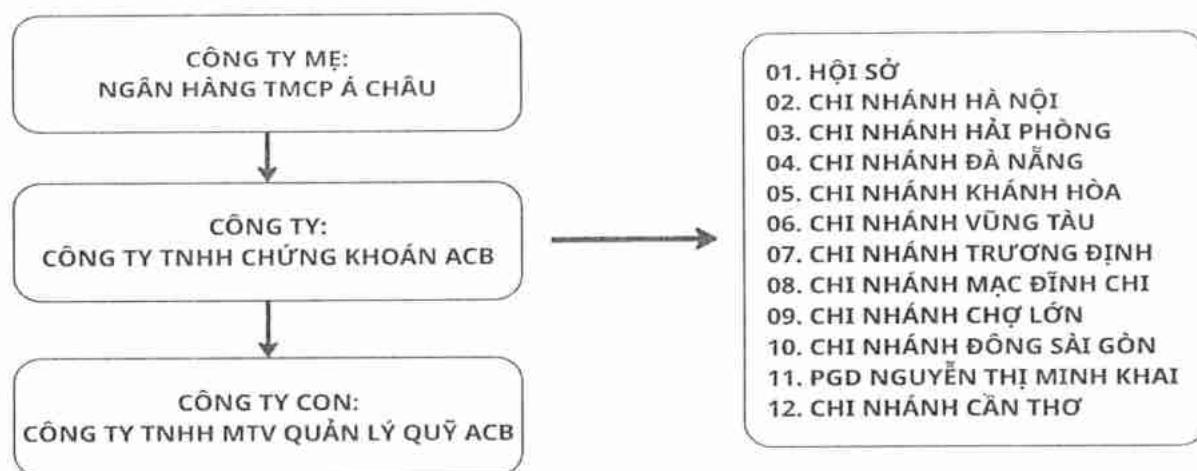
2025: ACBS increased its charter capital to VND 10,000 billion in January 2025 and subsequently raised an additional VND 1,000 billion, bringing total charter capital to VND 11,000 billion in April 2025. The company has received awards such as Fast-Growing Enterprise and Outstanding Asian Enterprise recognized by APEA; Outstanding Digital Transformation Product recognized by the Vietnam Financial Advisors Community (VWA) and Investment Newspaper; and Top 10 Reputable Companies in the Financial Industry recognized by Vietnam Report.

 Achievements and awards





1.2. Organizational structure of the Company



(Source: ACBS)

✦ Parent company: Asia Commercial Joint Stock Bank

Address: 442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

Phone: (028) 3929 0999. Fax: (028) 3839 9885.

Charter capital: VND 58,044 billion.

✦ Company: ACB SECURITIES COMPANY

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.

Phone: (028) 7300 7000. Fax: (028) 7300 3751

Charter capital: VND 11,000 billion, 100% owned by Asia Commercial Joint Stock Bank.

✦ Subsidiary: ACB Capital Management Company Limited

Address: 480 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

Phone: (028) 6290 5989.

Charter capital: VND 1,050 billion, 100% owned by ACB Securities Company

Information about the branches and transaction offices of the Issuer

- Head office

- ✓ Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
- ✓ Phone number: (028) 7300 7000
- ✓ Initial registration date: June 29, 2000
- ✓ Business registration certificate: 0302030508

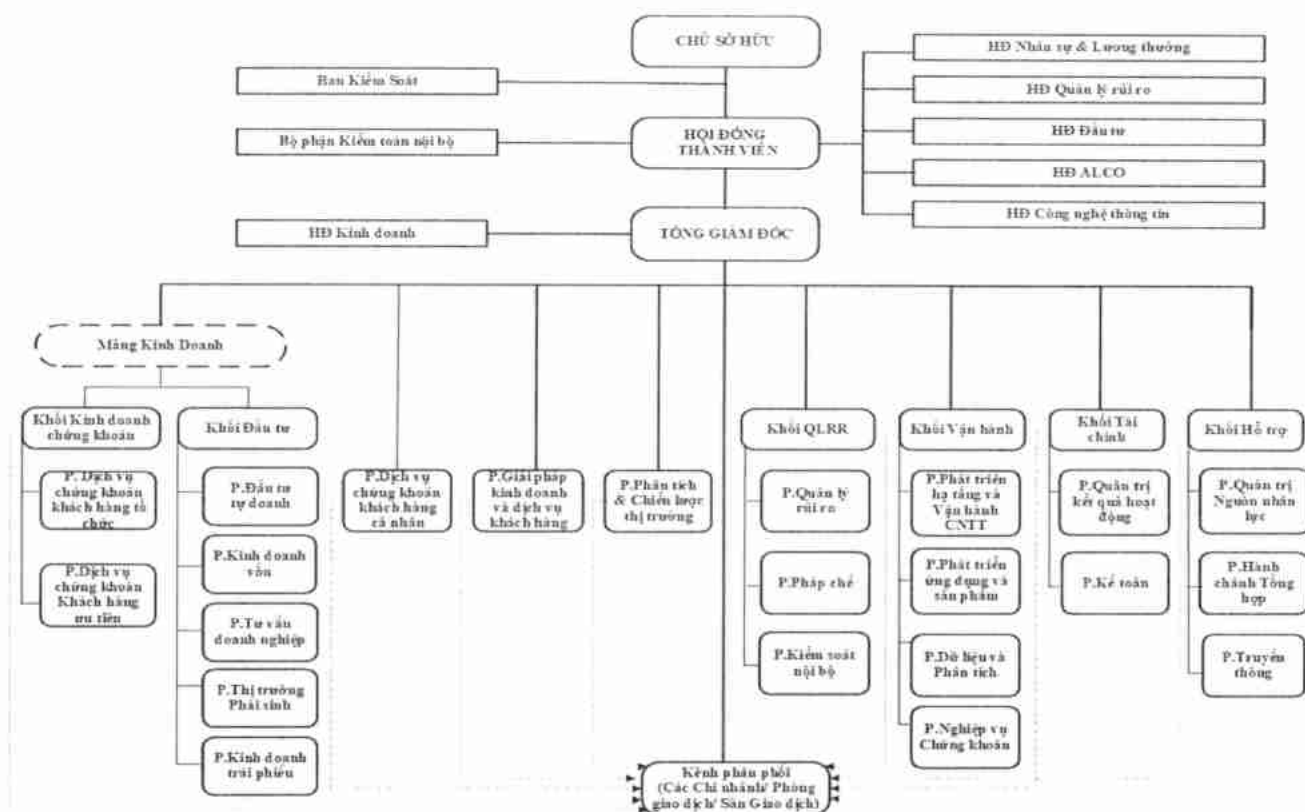


-
- Hanoi Branch
 - ✓ Address: 10 Phan Chu Trinh Street, Cua Nam Ward, Hanoi
 - ✓ Phone number: (024) 3942 9395
 - ✓ Initial registration date: January 4, 2002
 - ✓ Business Registration Certificate: 0302030508-001
 - Hai Phong Branch
 - ✓ Address: 3rd Floor, 15 Hoang Dieu Street, Hong Bang Ward, Hai Phong City
 - ✓ Phone number: (022) 5356 9998
 - ✓ Initial registration date: October 9, 2007
 - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-002
 - Da Nang Branch
 - ✓ Address: 218 Bach Dang Street, Hai Chau Ward, Da Nang
 - ✓ Phone number: (023) 6384 3444
 - ✓ Initial registration date: April 21, 2010
 - ✓ Business Registration Certificate: 0302030508-006
 - Khanh Hoa Branch
 - ✓ Address: 80 Quang Trung Street, Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province
 - ✓ Phone number: (025) 8352 2762
 - ✓ Initial registration date: April 19, 2010
 - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-007
 - Vung Tau Branch
 - ✓ Address: 111 Hoang Hoa Tham Street (2nd Floor, Block A3-A8), Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City
 - ✓ Phone number: (025) 4359 7104
 - ✓ Initial registration date: April 21, 2010
 - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-005
 - Truong Dinh Branch
 - ✓ Address: 107N Truong Dinh Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
 - ✓ Phone number: (028) 5404 3054
 - ✓ Initial registration date: November 3, 2008
-



-
- ✓ Business Registration Certificate: 0302030508-012
 - Mac Dinh Chi Branch
 - ✓ Address: 41 Mac Dinh Chi Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
 - ✓ Phone number: (028) 3823 4160
 - ✓ Initial registration date: January 27, 2023
 - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-014
 - Cho Lon Branch
 - ✓ Address: 321-323 Tran Phu Street, An Dong Ward, Ho Chi Minh City
 - ✓ Phone number: (028) 3969 5548
 - ✓ Initial registration date: April 15, 2010
 - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-011
 - East Saigon Branch
 - ✓ Address: 3rd Floor, Building No. 53-55 Nguyen Huu Canh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City
 - ✓ Phone number: (028) 7301 7933
 - ✓ Initial registration date: November 8, 2023
 - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-015
 - Nguyen Thi Minh Khai Transaction Office
 - ✓ Address: 442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City
 - ✓ Phone number: (028) 7303 1568
 - ✓ Decision approving the establishment of a securities company's transaction office: No. 232/QD-UBCK dated April 14, 2010 (Nguyen Thi Minh Khai Transaction Office is a transaction point directly under the Truong Dinh Branch, not registered as an independent subsidiary unit, and does not have a separate Certificate of business registration).
 - Can Tho Branch
 - ✓ Address: 17-19 Nam Ky Khoi Nghia Street, Ninh Kieu Ward, Can Tho City
 - ✓ Phone number: (029) 2378 3638
 - ✓ Initial registration date: April 14, 2010
 - ✓ Certificate of business registration: 0302030508-004
-

1.3. Management structure of the Company



(Source: ACBS)

✦ Supervisory Board:

The Supervisory Board consists of 01 (one) Supervisor appointed and dismissed by the Company Owner. The term of the Supervisor is 05 (five) years and the Supervisor may be reappointed for an unlimited number of terms. The Supervisor is responsible before the law, the Company Owner and the Members' Council for exercising his/her rights and obligations.

✦ Members' Council:

The Members' Council consists of 04 (four) members appointed and dismissed by the Company Owner for a term of 05 (five) years; acts on behalf of the Company Owner in exercising the rights and obligations of the Company Owner; acts on behalf of the Company in exercising the rights and obligations of the Company, except for the rights and obligations of the President & CEO; and is responsible before the law and the Company Owner for exercising the assigned rights and obligations in accordance with the Company's Charter, the Enterprise Law and relevant laws.

Units under the Board of Members (BOM)

✦ Human Resources and Remuneration Committee:

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to the Board of Members on the implementation of human resource management and remuneration, with a view to building, training and developing human resources, and designing an



organizational structure that effectively supports ACBS's development needs .

✦ **Risk Management Committee:**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to its the Board of Members and the President & CEO in making decisions relating to risk management at ACBS.

✦ **Investment Committee:**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to the Board of Members in making decisions relating to investment activities at ACBS.

✦ **Asset-Liability Management Committee (ALCO Council):**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to the Board of Members in making decisions to maintain a sustainable balance sheet, ensure liquidity and efficiency, and thereby maximizing profits according to ACBS's risk appetite, risk-bearing capacity and equity base.

✦ **Information Technology Committee (IT Council):**

A specialized body under the Board of Members, responsible for making proposals and providing advice to the Board of Members on information technology matters to ensure the implementation of IT development in line with ACBS's business development strategy in each period.

✦ **Internal Audit Department:**

Internal Audit Department is a specialized function under the Board of Members, responsible for independently assessing compliance with laws, the Charter, and decisions of the Board of Members; reviewing and evaluating the adequacy, effectiveness and efficiency of the internal control system under the Board of Directors; assessing the compliance of business operations with internal policies and procedures; participating in the development of internal policies and procedures; evaluating compliance with legal regulations; reviewing controls and measures for safeguarding assets; assessing internal controls over financial reporting and business processes; evaluating the process of identifying, assessing, and managing business risks; evaluating the effectiveness of operations and compliance with contractual commitments; controlling the information technology system; investigating internal violations within the Company; conducting internal audits of the Company and its subsidiaries; and carrying out inspections and assessments of specific activities as required by the Board of Members, the Chairman of the Board of Members , the Board of Supervisors, and the Owner. The Internal Audit Department performs its functions on the principles of independence, integrity, objectivity, and confidentiality.

✦ **President & CEO:**

The President & CEO is the person in charge of all daily business operations of the Company, appointed or hired by the Owner for a term as stipulated by the Owner from time to time, and may be reappointed for an unlimited number of terms; subject to the supervision of the Owner and the Board of Members, and accountable to the Owner, the Board of Members, and the law for the



exercise of assigned rights and duties.

The President & CEO is assisted by Deputy President & CEOs. President & CEOs assigned responsible for segment different areas of responsibility.

Units directly under the President & CEO

✚ Business Committee:

The Business Committee is a specialized body reporting directly to the President & CEO, established to make proposals and provide advice to the President & CEO in making decisions for the implementation of the business functions as delegated/authorized by the Board of Members in each period.

The organizational structure is divided as follows:

- a) **The distribution channel** (branches, transaction offices, and trading floors) is the profit center, the point of direct contact with individual and institutional clients (excluding financial institutions) to carry out business tasks, responsible for finding, developing, caring for, and managing clients, and providing client products and services including brokerage, investment consulting, providing and advising on the use of custody, pledging, and negotiated trading services for unlisted shares, etc., to clients, and updating and providing clients with market, legal, and professional information.
- b) **The Securities Business Unit consists of 02 (two) Departments:** Institutional Brokerage Services Department and the Priority Client Securities Services Department.
 - i. **The Institutional Brokerage Services Department** is a business unit at the Head Office responsible for identifying, developing, nurturing, and managing clients, as well as providing products and services to domestic and international institutional clients. It performs brokerage and investment advisory services, processes buy and sell orders for domestic and international institutional clients, and updates and provides market analysis, transaction information, and in-depth securities investment analysis to clients.
 - ii. **The Priority Client Securities Services Department** is a unit that advises and provides priority client services at the Head Office, providing advice, management, and implementation of sales policies, focusing on product distribution and developing the priority client segment (including individual clients with large transactions...).
- c) **The Investment Unit comprises 05 (five) Departments:** Corporate Advisory Department; Proprietary Investment Department; Derivatives Market Department; Treasury Department; Fixed Income Department.
 - i. **The Corporate Advisory Department** is a business unit directly under the Head Office, providing financial advisory services related to capital markets, debt markets, mergers and acquisitions advisory services, and other corporate financial advisory services related to the use of capital at ACBS.
 - ii. **The Proprietary Investment Department** is a business unit at the Head Office that



directly conducts investment trading activities in stocks.

- iii. **The Derivatives Market Department** is a business unit at the Head Office that directly conducts business operations related to derivative products, covered warrants, and structured financial products.
- iv. **The Treasury Department** is a business unit at the Head Office that directly carries out the Company's capital business operations in each period to optimize costs and increase profits for the Company; manages the Company's assets and liabilities according to the direction of the ALCO Board; and manages the Company's liquidity to ensure liquidity for business operations and compliance with regulations.
- v. **The Fixed Income Department** is a business unit at the Head Office, under the Investment Division, with the following functions:
 - Develop strategies, policies and processes for bond business activities.
 - Organize and implement investment activities and purchase corporate bonds;
 - Organizing activities related to the distribution of corporate bonds to the market, including offering, investment advisory, and customer service for institutional clients, with the aim of expanding the client base and generating revenue from service fees; valuation;
 - Analyzing developments in the financial market, interest rate trends, corporate credit conditions, and macroeconomic factors ensures optimal investment efficiency and risk mitigation.
 - Participate in building and developing the bond trading system.
- d) **The Retail Securities Services Department** is responsible for managing, developing, and caring for clients who do not hold positions within the Distribution Channel. This care is provided through online tools and platforms to increase clients' assets and transaction value at ACBS.
- e) **The Business Solutions and Client Service Department** supports the Board of Directors and coordinates with operational units in developing and implementing business policies, product policies, commission policies, and managing business performance in the distribution channel; the Individual Customer Securities Services Department, the Priority Customer Securities Services Department, and the Institutional Customer Securities Services Department.
- f) **The Market Analysis and Strategy Department** supports the company's business units by providing analytical reports, market outlook reports, securities analysis, strategic reports, competitor and market surveys to improve customer service quality and increase investment value for the company and its clients.
- g) **The Risk Management Unit consists of 03 (three) Departments:** Risk Management Department; Internal Control Department and Legal Department.
 - i. **The Risk Management Department** is responsible for identifying, assessing, and monitoring risks; developing and implementing risk management policies; approving credit applications; proposing risk mitigation solutions; and advising management on



appropriate course of action.

- ii. **The Internal Control Department** is the unit responsible for inspection, control, supervision, and warning; including but not limited to controlling compliance and monitoring operations in accordance with the law, the Company Charter, decisions of the Board of Members, regulations, rules, procedures, work processes, work instructions, risk management processes of the company, of relevant departments/divisions/sections, and of securities professionals within the Company.
 - iii. **The Legal Department** is responsible for advising and consulting on legal issues related to the Company's business operations; it also serves as the focal point for handling and recovering bad debts, ensuring compliance with current regulations.
- h) **The Operations Unit consists of 04 (four) Departments: Securities Operations Department; Application and Product Development Department; Infrastructure Development and Information Technology Operations Department; Data and Analytics Department.**
- i. **The Securities Operations Department** is a functional unit at the Head Office responsible for organizing, managing, and supporting the implementation of securities-related operations for all units within the Company.
 - ii. **The Application and Product Development Department** supports the Board of Directors in planning and building the roadmap for the development and implementation of technology within ACBS; collaborates with other units within ACBS to implement technology solutions to serve business efficiency and support the achievement of ACBS's overall business goals; implements digitalization, automation, and business process optimization to minimize manual work, improve operational processes, and increase labor productivity.
 - iii. **The Infrastructure Development and Information Technology Operations Department** is responsible for developing infrastructure, managing security, and ensuring the stable, continuous, and secure operation of information systems in accordance with the Securities Law, relevant government agencies, and ACBS; and managing the overall information system architecture to ensure stability, interoperability, and scalability to support the Company's long-term development strategy.
 - iv. **The Data and Analytics Department** is responsible for managing and exploiting data, implementing data enrichment and data analysis activities to propose specific measures to improve ACBS's business efficiency and sales; it is the central point for providing data, reports, and analyses as needed by ACBS units.
- i) **The Finance Unit consists of 02 (two) Departments: Performance Management Department; Accounting Department.**
- i. **The Performance Management Department** is responsible for managing the company's business performance; establishing and operating processes and reporting systems to evaluate the company's performance; and analyzing the company's position



relative to its competitors in the market.

- ii. **The Accounting Department** is responsible for advising, organizing, managing, and executing accounting operations in accordance with the Company's regulations, ACB's regulations, and current legal regulations; and managing expenses, including budget and cost efficiency, for the Company.
- j) **The Support Unit consists of 03 (three) Departments: Human Resources Management Department; General Administration Department and Communications Department.**
 - i. **The Human Resources Management Department** is responsible for advising the President & CEO on the development and implementation of human resource management strategies, implementing personnel policies, developing and attracting talent, planning and effectively managing the workforce, in order to support and promote the implementation of the Company's business strategy.
 - ii. **The General Administration Department** is responsible for organizing and carrying out tasks related to the administrative management of the system, infrastructure development, asset management, equipment management, and other related tasks to meet the company's development needs.
 - iii. **The Communications Department** is responsible for organizing and implementing the company's communication and event activities, conducting digital communication campaigns, managing brand identity, and building the company's image.

1.4. List of capital-contributing members (name, address, ownership ratio) holding 5% or more of the Company's contributed capital and related parties; list of founding members and their ownership ratios (if any transfer restrictions remain effective)

✦ **List of capital-contributing members holding more than 5% of the charter capital.**

Unit: billion VND

Name of contributing member	Address	Capital contribution	Percentage (%)
Asia Commercial Joint Stock Bank	442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City	11,000	100%
Total		11,000	100%

Source: ACBS)

✦ **List of related persons of the Company:**

No.	Name of organization/individual	Relationship with the company/ Position held within the company (if any)
I	Parent company	
1	Asia Commercial Bank	Parent company
2	ACB Fund Management Company Limited (ACBC)	Subsidiary company



II	Board of Members	
1	Do Minh Toan	Chairman of the Board of Directors
2	Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman of the Board of Directors
3	Huynh Duy Sang	Board Member
4	Trinh Bao Quoc	Board Member
5	Huynh Hieu Nghia	Controller
6	Nguyen Duc Hoan	President & CEO
7	Vo Van Van	Deputy Chief Financial Officer and Chief Accountant
III	Authorized person to disclose information	
	Vo Dinh Nam	Human Resources Director
son-in-law	Company secretary	
	Duong Kim Lien	Company Secretary

(Source: ACBS)

1.5. List of the Issuer's parent companies and subsidiaries, companies in which the Issuer holds control or a controlling interest, and companies that control or hold a controlling interest in the Issuer

- ✦ A list of the issuer's parent companies, or companies that hold controlling or controlling stakes in the issuer.

Parent company: Asia Commercial Joint Stock Bank

Address: 442 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

Phone: (028) 3929 0999. Fax: (028) 3839 9885.

Charter capital: VND 58,044 billion.

- ✦ A list of the issuer's subsidiaries, or companies in which the issuer holds controlling interest or a controlling stake.

Subsidiary: ACB Capital Management Company Limited

Address: 480 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.

Phone: (028) 6290 5989.

Charter capital: VND 1,050 billion, 100% owned by ACB Securities Company.

1.6. Information on the Issuer's management team

- ✦ **Members' Council**



No.	Full name	Job title
a.	Do Minh Toan	Chairman
b.	Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman
c.	Trinh Bao Quoc	Member
d.	Huynh Duy Sang	Member

Chairman of the Board of Members

Full name : Do Minh Toan .

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1971.

Professional qualifications: Master of Business Administration from Columbia Southern University, USA ; Bachelor of Banking from the University of Banking Ho Chi Minh City; Bachelor of International Trade Management from the University of Economics Ho Chi Minh City; Bachelor of Law from the University of Law Ho Chi Minh City .

Current position held at the company: Chairman of the Board of Members of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: Member of the Board of Directors of the Asia Commercial Joint Stock Bank.

Vice Chairman of the Board of Members

Full name : Nguyen Duc Thai Han.

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1967.

Qualifications: Bachelor of Science , University of Ho Chi Minh City.

Current position held at the company: Vice Chairman of the Board of Members of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company : Deputy President & CEO of Asia Commercial Joint Stock Bank.

Member of the Board of Members

Full name : Trinh Bao Quoc.



Gender : Male.
Nationality : American.
Ethnicity : Kinh.
Year of birth : 1971.

Professional qualifications: Master of Business Administration, Berkeley Haas School of Business, University of California, USA; Bachelor of Biology and Bachelor of History, University of Kansas, USA .

Current position held at the Company: Member of the Board of Directors of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company : Member Independent Board of Directors of Asia Commercial Joint Stock Bank.

Member of the Board of Members

Full name : Huynh Duy Sang .
Gender : Male.
Nationality : Vietnamese.
Ethnicity : Kinh.
Year of birth : 1984.

Qualifications: Master of Finance and Banking, University of Paris Dauphine & ESCP Europe .

Current position held at the company: Member of the Board of Directors .

Current position held at the parent company: Director of the Financial Markets Division of Asia Commercial Joint Stock Bank.

✚ President & CEO

Full name	Job title
Nguyen Duc Hoan	President & CEO

Full name : Nguyen Duc Hoan .
Gender : Male.
Nationality : Vietnamese.
Ethnicity : Kinh.
Year of birth : 1974.



Qualifications: Master of Business Administration from the University of Leicester (UK) ;
Master of Science in International Finance (MSc in Finance) from the University of
Westminster (UK).

Current position held at the company: President & CEO of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: None.

✦ **Supervisor**

Full name	Job title
Huynh Hieu Nghia	Supervisor

Full name : Huynh Hieu Nghia.

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1964 .

Qualifications: Bachelor of Accounting, University of Banking Ho Chi Minh City.

Current position held at the company: Auditor of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: Head of Internal Audit Department, Aisa
Commercial Joint Stock Bank.

✦ **Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant**

Full name	Job title
Vo Van Van	Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant

Chief Accountant

Full name : Vo Van Van.

Gender : Male.

Nationality : Vietnamese.

Ethnicity : Kinh.

Year of birth : 1978 .

Educational qualifications: Bachelor's degree.



Current position held at the company: Deputy Chief Financial Officer cum Chief Accountant of ACB Securities Company.

Current position held at the parent company: None.

1.7. Information on risk management personnel relating to warrant issuance activities: experience, expertise, reputation and capability

Mr. Dang Quang Huy – Liquidity and Market Risk Management Functional Manager.

Professional certification issued by the State Securities Commission: Financial Analysis

Experience: 8 years of experience working in the finance and securities industry.

2. Information regarding the performance of the Issuer

2.1. Summary of the Issuer's operations

✦ Operating situation of the Issuer:

ACBS's main business activities :

In Q2 2026, ACBS achieved significant success, with high asset growth and outstanding profit growth. Simultaneously, we maintained a sound financial structure, ample liquidity, and high capital safety, specifically as follows:

- Total assets reached nearly VND 39,062 billion, an increase of 15.4% compared to the same period last year.
- Customer margin loans reached approximately VND 20,645 billion, up 79% compared to the same period last year.
- Loans reached nearly 23,737 billion, an increase of 18.8% compared to the same period last year.
- Profit before tax for 6M26 reached VND 581 billion.
- Profitability improved due to a return on average assets (ROA) of 2.4% and a return on average equity (ROE) of 6.4%.
- ACBS's cumulative after-tax profit for Q2 2026 reached VND 467 billion, primarily driven by investment in financial assets and margin lending activities. Other activities, such as securities custody services and other services, remained stable. ACBS does not yet provide underwriting services.
- Current business performance at ACBS:

Proprietary Trading and Capital Business

This continues to be the main growth engine, contributing the most to ACBS's revenue structure in the first quarter of 2026 thanks to the strong recovery of the stock market. Revenue from proprietary trading and capital business reached VND 1,421 billion, an increase of 26% compared to the same period last year, accounting for approximately 55 % of the company's



total operating revenue.

Margin and receivable activities

ACBS has boosted its lending capacity to optimize returns from low-cost funding. ACBS's margin lending operations have maintained a strong upward trend thanks to the return of investors to the market as the VN-Index approaches new highs. Profits from margin loans and receivables continue to be the company's second largest source of revenue. Revenue from margin lending and receivables reached VND 976 billion, a 115% increase compared to the same period last year.

Securities brokerage activities

Following a restructuring period and intense competition from "Zero Fee" securities companies last year, ACBS's brokerage segment began to stabilize. ACBS focused on leveraging its large customer base and strengthening its digital ecosystem (ACBS Smart App integrating AI SMARTY). This helped improve profitability per account and optimize brokerage operating costs. Brokerage revenue reached VND 197 billion, an 18% increase compared to the same period last year.

Business Consulting Activities

The recovery of the capital market and bond issuance created favorable conditions for ACBS's Advisory segment to operate actively. The company focuses on debt financing arrangements (corporate bonds) and structural finance advisory services for medium and large enterprises. Corporate advisory revenue reached VND 281 million.

Major investments :

At the close of trading on June 30, 2026, the VN-Index closed at 1,860.01 points, an increase of over 4.23% compared to the beginning of the year. Total market capitalization by the end of Q2 2026 reached over VND 10,572.8 trillion, equivalent to approximately 82.3% of the estimated GDP in 2025. However, despite market fluctuations and timely decisions by the Investment Council, ACBS's investment returns remained strong, even though ACBS always prioritizes minimizing investment risks.

Alongside the changing behavior and risk appetite of investors in the underlying market, warrant investors have also become more defensive and willing to accept significantly lower valuations compared to the 2021-2023 period. With adaptation and operational experience gained since 2020, ACBS has improved its products and attracted more attention from customers in the market, helping ACBS increase its market share in the warrant market and maintain its position among the top 3 market makers in Vietnam. ACBS's warrant products are gradually becoming highly competitive and a reasonable defensive and alternative investment channel for investors who prefer large-cap stocks. This trend is expected to continue to develop and expand in 2026.



In the stock market development strategy until 2030, recently approved by the Prime Minister, the market capitalization of stocks will reach 100% of GDP in 2025 and 120% of GDP in 2030. This figure is nearly double the current market capitalization. The outstanding debt of the bond market will reach at least 47% of GDP (of which corporate bond debt will reach at least 20% of GDP) by 2025 and at least 58% of GDP by 2030. Following this trend, ACBS's subsequent investments in 2026 must expand significantly in both quantity and quality to generate profits not only for the company and shareholders but also for customers who trust and use ACBS's investment-related services.

Subsidiaries and associates

ACB Capital Management Company Limited (ACBC) is a subsidiary of ACBS, established under operating license No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on October 28, 2008, operating in the field of fund management.

In 2026, the stock market has generally recorded positive performance, albeit accompanied by continued volatility. Against this backdrop, ACBC has remained flexible in adapting to market developments, effectively capturing investment opportunities while staying aligned with its investment strategy and maintaining strong risk management discipline, with a focus on delivering added value to clients. The Company's business activities are centered on optimizing investment efficiency and pursuing sustainable long-term growth.

As of the end of Q2 2026, ACBC's key financial indicators were as follows :

- Charter capital: 1,050 billion VND
- Profit before tax: (11) billion VND
- Net profit after tax: (11) billion VND

In 2026, ACBC will continue to focus on its core business, improving the efficiency of asset management for existing customers, while effectively managing the ACB50 Member Fund to deliver optimal value to customers. ACBC will continue to research, design, and manage new investment funds to diversify the products and services offered to existing and potential customers.

✦ Litigation / Disputes Currently Involving the Company and Ongoing Developments (if any)

The Company is currently involved in a dispute relating to a margin trading agreement with a client. In addition, the Company is a party with related rights and obligations in certain cases where other parties are disputing matters concerning bond purchase agreements and claims for contractual damages.

As of the present time, such disputes and litigation do not have a material impact on the Company's business operations.



✦ Compliance with Payment Obligations of Previously Issued Financial Products

Since 2020, ACBS has offered covered warrants as financial products and fully complied with payment obligations upon warrant maturity as stipulated in Point e, Clause 1, Article 202 of Government Decree 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, and Point g, Clause 1, Article 202a, supplemented by Clause 72, Article 1 of Government Decree 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025.

✦ Other information

The State Securities Commission of Vietnam (SSC) issued Decision No. 267/QĐ-XPHC dated 12 September 2025 and Decision No. 410/QĐ-XPHC dated 12 November 2025 imposing administrative sanctions in the field of securities and the securities market on ACB Securities Company.

2.2. Report on business performance for the years 2024–2025 and Q2/2026

Unit: million VND

No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	%+/- 2025/2024	Accumulated to Q2/2026
1	Total Asset Value	26,040,684	38,583,644	48%	39,062,450
2	Revenue from business activities	2,534,400	4,613,719	82%	2,605,726
3	Profits from business activities	846,194	1,253,726	48%	580,661
4	Other profits	488	221	-55%	339
5	Profit before tax	846,682	1,253,947	48%	581,000
6	Profit after tax	683,017	1,017,986	49%	467,491

(Source: ACBS's audited consolidated financial statements for 2024 and 2025 and reviewed consolidated interim financial statements for 2026)

2.3. Warrants issued by the Company:

✦ The covered warrants are outstanding and listed on HOSE

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
1	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.6778:1	25,885 VND	19,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
2	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/88	CMBB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.4028:1	21,626 VND	19,000,000
3	Warrant MWG/ACBS/Call/E U/Cash/10M/89	CMWG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	6.8926:1	83,696 VND	19,000,000
4	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60,000 VND	19,000,000
5	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	3.9176:1	36,238 VND	19,000,000
6	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/93	CFPT2610	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	11.8370:1	83,845 VND	19,000,000
7	Warrant MSN/ACBS/Call/E U/Cash/10M/94	CMSN2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85,000 VND	11,000,000
8	Warrant TPB/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/95	CTPB2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	2:1	18,000 VND	11,000,000
9	Warrant VHM/ACBS/Call/E U/Cash/10M/96	CVHM2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	4.3334:1	62,593 VND	11,000,000
10	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/97	CVIB2604	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.7320:1	16,020 VND	15,000,000
11	Warrant VNM/ACBS/Call/E U/Cash/10M/98	CVNM2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	5.8148:1	62,993 VND	11,000,000
12	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/99	CVPB2608	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.9651:1	29,476 VND	15,000,000
13	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/ Cash/10M/100	CVRE2603	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	2.8973:1	29,938 VND	11,000,000
14	Warrant HPG/ACBS/8M/102 - 8-month term	CHPG2625	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25,000 VND	18,000,000
15	Warrant MBB/ACBS/8M/103 - 8-month term	CMBB2614	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	1.6019:1	20,825 VND	18,000,000
16	Warrant MWG/ACBS/8M/104 - 8-month term	CMWG2616	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	6.8926:1	80,742 VND	18,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
17	Warrant STB/ACBS/8M/105 - 8-month term	CSTB2619	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79,000 VND	18,000,000
18	Warrant TCB/ACBS/8M/106 - 8-month term	CTCB2611	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	3:1	34,000 VND	18,000,000
19	Warrant VPB/ACBS/8M/107 - 8-month term	CVPB2615	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2:1	28,500 VND	18,000,000
20	Warrant FPT/ACBS/8M/101 - 8-month term	CFPT2631	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	12:1	72,000 VND	15,000,000
21	Warrant MSN/ACBS/8M/109 - 8-month term	CMSN2626	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	69,000 VND	15,000,000
22	Warrant SHB/ACBS/8M/110 - 8-month term	CSHB2620	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	2:1	12,500 VND	5,000,000
23	Warrant VHM/ACBS/8M/112 - 8-month term	CVHM2620	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	76,000 VND	4,000,000
24	Warrant VIB/ACBS/8M/113 - 8-month term	CVIB2611	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	1.8267:1	13,700 VND	15,000,000
25	Warrant VNM/ACBS/8M/114 - 8-month term	CVNM2619	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	6:1	64,000 VND	11,000,000
26	Warrant VRE/ACBS/8M/115 - 8-month term	CVRE2610	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	3:1	25,000 VND	4,000,000

✚ The covered warrants have expired

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
1	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Call	3 months	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28,500 VND	2,000,000
2	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Call	6 months	05/01/2021	05/07/2021	0.7352:1	30,144 VND	4,000,000
3	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Call	9 months	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31,000 VND	2,000,000
4	Warrant	CHPG2110	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44,000	10,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/4M/05							VND	
5	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8301:1	78,641 VND	5,000,000
6	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8947:1	79,158 VND	7,000,000
7	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Call	12 months	22/03/2021	22/03/2022	6.6444:1	89,699 VND	5,000,000
8	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45,000 VND	15,000,000
9	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30,000 VND	10,000,000
10	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	8.3261:1	98,248 VND	5,000,000
11	Warrant VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Call	9 months	17/11/2021	17/08/2022	9.7163:1	91,333 VND	15,000,000
12	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	3.7823:1	30,258 VND	10,000,000
13	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45,000 VND	5,000,000
14	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	8.2758:1	126,620 VND	5,000,000
15	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	4.9711:1	72,080 VND	5,000,000
16	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	9.6717:1	70,603 VND	5,000,000
17	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33,000 VND	5,000,000
18	Warrant VIC/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86,000 VND	5,000,000
19	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	18,000,000
20	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27,000 VND	4,500,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
21	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	9,000,000
22	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100,000 VND	3,000,000
23	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
24	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	5.8946:1	66,806 VND	6,000,000
25	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29,000 VND	4,500,000
26	Warrant VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
27	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70,000 VND	8,000,000
28	Warrant POW/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13,000 VND	2,000,000
29	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20,000 VND	24,000,000
30	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	8.4983:1	73,085 VND	8,000,000
31	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22,000 VND	10,000,000
32	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	5.943:1	49,525 VND	12,000,000
33	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	9.8844:1	88,960 VND	10,000,000
34	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31,000 VND	12,000,000
35	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21,000 VND	10,000,000
36	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37,000 VND	9,000,000
37	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30,000 VND	19,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
38	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.6965:1	16,965 VND	20,000,000
39	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24,000 VND	25,000,000
40	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3.962:1	35,658 VND	9,000,000
41	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.5718:1	18,076 VND	15,000,000
42	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27,000 VND	14,000,000
43	Warrant VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50,000 VND	12,000,000
44	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66,000 VND	6,000,000
45	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25,000 VND	8,000,000
46	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48,000 VND	10,000,000
47	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27,000 VND	8,000,000
48	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	1.8879:1	16,047 VND	7,000,000
49	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	2.7268:1	28,177 VND	10,500,000
50	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.7003:1	20,403 VND	11,000,000
51	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66,000 VND	10,000,000
52	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30,000 VND	10,500,000
53	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.6444:1	19,732 VND	10,000,000
54	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	7.4141:1	61,166 VND	8,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
55	Warrant VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.8488:1	19,412 VND	9,000,000
56	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	12.8473:1	103,635 VND	12,000,000
57	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	2.4982:1	20,818 VND	20,000,000
58	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.3033:1	16,943 VND	15,000,000
59	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79,000 VND	6,000,000
60	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5.9149:1	69,007 VND	18,000,000
61	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38,000 VND	11,000,000
62	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4.8710:1	25,329 VND	12,000,000
63	Warrant VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38,000 VND	7,000,000
64	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.6895:1	15,205 VND	9,000,000
65	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5.4968:1	62,296 VND	9,000,000
66	Warrant VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.9471:1	21,418 VND	11,000,000
67	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16,000 VND	6,000,000
68	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/81	CFPT2519	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	6.8870:1	121,385 VND	16,000,000
69	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30,000 VND	17,000,000
70	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1.5:1	21,750 VND	17,000,000
71	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	4.9291:1	77,879 VND	17,000,000
72	Warrant	CSTB2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49,000	17,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price	Total number of warrants offered
	STB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/85							VND	
73	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1.9484:1	35,071 VND	16,000,000
74	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/68	CFPT2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	11.0965:1	115,234 VND	26,700,000
75	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.4533:1	22,897 VND	31,900,000
76	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.25:1	18,750 VND	35,200,000
77	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60,000 VND	10,000,000
78	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.9149:1	63,092 VND	27,600,000
79	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40,000 VND	25,500,000
80	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.8624:1	27,193 VND	20,100,000
81	Warrant TPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9063:1	12,391 VND	12,900,000
82	Warrant VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58,000 VND	10,000,000
83	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.6654:1	15,821 VND	16,600,000
84	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/78	CVNM2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.7358:1	52,579 VND	14,200,000
85	Warrant VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9651:1	17,686 VND	29,500,000
86	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23,500 VND	11,000,000

(*) Payment obligations: Since 2020, ACBS has offered covered warrants as financial products and fully complied with payment obligations upon warrant maturity as stipulated in Point e, Clause 1, Article 202 of Government Decree 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, and Point g, Clause 1, Article 202a, supplemented by Clause 72, Article 1 of Government Decree 245/2025/ND-CP



dated September 11, 2025.

3. Financial situation

3.1. Payment of debts due

The company has always paid all its debts on time and in full.

3.2. Statutory amounts payable

The company always pays its dues as required by law.

3.3. Total outstanding borrowings

Information on overdue debts, total outstanding guaranteed debt (if any), short-term, medium-term and long-term overdue debts, causes of overdue debts, and recoverability: None.

3.4. Current debt situation (total receivables, total payables)

Total outstanding loans and current debt situation:

Unit: million VND

No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	%+/- 2025/2024	Accumulated to Q2/2026
1	Total outstanding loan balance	16,403,200	23,373,380	42%	23,936,940
2	Total accounts receivable	9,604,261	18,999,797	98%	20,983,991
3	Total liabilities	16,788,968	24,313,943	45%	24,325,257

(Source: ACBS's audited consolidated financial statements for 2024 and 2025 and reviewed consolidated interim financial statements for 2026)

3.5. Key financial indicators

No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	Note
1	Indicators of financial stability (million VND)			
1.1	- Value of available capital	8,800,225	9,637,458	
1.2	- Risks (Market risk, payment risk, operational risk, additional risk)	1,558,550	1,435,262	
1.3	- Capital Adequacy Ratio (%): (Available capital / Total risk)	565%	671%	



No.	Consolidated indicators	Year 2024	Year 2025	Note
2	Solvency criteria (times)			
2.1	- Short-term ratio: (Short-term Assets/ Short-term Liabilities)	1.54	1.59	
2.2	- Quick ratio: ((Short-term Assets – Inventory)/Short-term Liabilities)	1.54	1.59	No inventory
3	Indicators on capital structure (times)			
3.1	- Debt/Total Assets Ratio	0.64	0.63	
3.2	- Debt/Equity Ratio	1.81	1.70	
4	Profitability indicator (times)			
4.1	- Profit after tax/Net Revenue Ratio	0.27	0.22	
4.2	- Profit after tax/Equity Ratio	0.07	0.07	
4.3	- Profit after tax/Total Assets Ratio	0.03	0.03	
4.4	- Operating Profit/Net Revenue Ratio	0.33	0.27	
4.5	- Earnings per share (EPS)	N/A	N/A	(*)

(Source: ACBS)

(*): ACBS operates as a Limited Liability Company, therefore it does not have an EPS (Earnings Per Share) indicator.

VI. INFORMATION REGARDING COVERED WARRANTS

1. General information on the warrants

1.1. Information on the warrants offered

- Warrant name: Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98.
- Name (code) of the underlying securities: VNM.
- Issuer of the underlying securities: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company.
- Type of warrant (call): Call warrant.
- Type of exercise: A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date.
- Settlement type: Cash settlement.



- Term: 10 months.
- Expected issuance date: Within 10 (ten) working days from the date the State Securities Commission issues the Certificate of Registration for the offering of covered warrants.
- Maturity date: February 15, 2027.
- Conversion ratio: 5.8148:1.
- Exercise price: 62,993 VND/share.
- Expected offering price: the closing price of the warrant on the trading day immediately preceding the date of publication of the Warrant Issuance Notice.
- Supplementary offering registration price used to determine the warrant value: 590 VND/warrant (being the closing price of the warrant on July 14, 2026).
- Total number of warrants registered for the supplementary offering: 5,000,000 warrants.
- Total value of warrants in the supplementary offering (expected): 2,950,000,000 (two billion nine hundred fifty million) VND.
- Payment security: Cash (VND), deposit as payment security at the Custodian Bank.
- The expected value of collateral for payment security obligations is 50% of the value of warrants offered.
- Pricing method: according to the Black-Scholes formula as follows:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T}}{k}$$

Where:

$$d_1 = \frac{\ln(\frac{S}{X}) + (r_c + \frac{\sigma^2}{2})T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Of which:

C: The theoretical price of the call option.

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Cumulative normal distribution probabilities.

Parameter	Calculation method
X: The exercise price of the warrant.	This is determined by ACBS depending on market conditions at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants.
S: Current stock price.	This is the closing price of the underlying asset at the time ACBS was officially licensed to make its initial public offering of warrants or at the time of calculation for the report.
T: Remaining time until maturity (in years)	This is the number of days from the calculation date to the warrant's maturity date/365.



Parameter	Calculation method
r_f : Risk-free interest rate (annualized).	The average 12-month savings interest rate of the four banks Vietcombank, Vietinbank, BIDV, and Agribank at the time ACBS was officially licensed to offer warrants to the public or at the time of calculation for this report, plus a margin of 2%.
σ : Expected price volatility of the underlying security (annualized).	Expected price volatility = past price volatility x (1 + adjustment factor) In there: - The past price volatility of an underlying security is determined over the most recent 12 months. - The adjustment factor is determined based on market demand for warrants and underlying securities, the liquidity of the warrants and underlying securities, and the expected price volatility of similar warrants.
k: Warrant conversion ratio	This is the number of warrants required to convert into one unit of underlying securities.

1.2. Information about previous issuances of similar warrants

- Warrant name: Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98.
- Warrant code: CVNM2605.
- Name (code) of the underlying securities: VNM.
- Issuer of the underlying securities: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company.
- Warrant type (call): Call warrant.
- Exercise type: A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date.
- Settlement method: Cash settlement.
- Term: 10 months.
- Maturity date: February 15, 2027.
- Conversion ratio: 5.8148:1 (five point eight one four eight warrants for one share).
- Exercise price: 62,993 VND/share.
- Initial offering price: 2,000 VND/warrant.
- Number of warrants initially offered: 11,000,000 warrants.
- Value of warrants initially offered: 22,000,000,000 VND.
- Number of warrants outstanding: 10,243,000 warrants.
- Value of warrants outstanding (based on the closing price of CVNM2605 of 590 VND on July 14, 2026): 6,043,370,000 (six billion forty-three million three hundred seventy thousand) VND.

**2. Information on the underlying securities and the underlying securities issuer****2.1. Information on the underlying securities**

- Name of the underlying securities: shares of Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
- Initial listing date of the underlying securities (VNM): January 19, 2006
- Price-to-Earnings (P/E) ratio (based on EPS for the latest 4 quarters and price as of August 28, 2026): 11.9 times
- Market capitalization (as of August 28, 2026): VND 130,204 billion
- Average fluctuation of the underlying stock price (VNM) over the last 6 months (annualized): 25%
- Liquidity and price volatility in 2025:
 - ✓ Average trading volume during the year: 4,530,543 shares;
 - ✓ Highest trading price of the year (adjusted price): VND 62,940/share;
 - ✓ Lowest trading price of the year (adjusted price): VND 46,451/share;
 - ✓ Closing price on the last trading day of the year (adjusted price): VND 59,260/share
- The closing price (adjusted price) of the underlying security on the last trading day of each month within the last 12 months (VND/share)

January 2025	55,563
February 2025	55,563
March 2025	54,133
April 2025	51,453
May 2025	50,778
June 2025	53,645
July 2025	56,605
August 2025	55,773
September 2025	55,495
October 2025	55,774
November 2025	61,971
December 2025	59,260

2.2. Information on the underlying securities issuer:



- Name of issuing organization: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
- Underlying stock code: VNM
- Area of activity: Dairy processing and dairy products.
- **Business performance:**

Business results for 2024-2025 and Q2/2026 (Consolidated):

Unit: million VND

No.	Target	Year 2024	Year 2025	%+/- 2025/2024	Accumulated to Q2/2026
1	Total asset value	55,049,062	53,312,371	-3.15%	57,451,804
2	Equity	36,174,403	34,483,015	-4.68%	35,666,335
3	Net revenue	61,782,610	63,645,887	3.02%	34,996,005
4	Taxes and other payments	1,014,478	1,803,999	77.83%	1,064,444
5	Profit before tax	11,599,654	11,649,985	0.43%	6,913,569
6	Net profit after tax	9,452,893	9,413,590	-0.42%	5,642,623
7	Return on equity (ROE)	26.13%	27.30%		15.82%

(Source: Audited consolidated financial statements for 2024 and 2025 and reviewed consolidated interim financial statements for the first half of 2026 of VNM, enterprise data from FiinPro-X and calculations by ACBS. Financial ratio (7) is calculated based on ending balances.)

Key financial indicators (Consolidated):

No.	Target	Year 2024	Year 2025
1	Solvency ratio (times)		
1.1	- Short-term liquidity Ratio	2.03	1.96
1.2	- Quick Ratio	1.73	1.59
2	Capital structure indicator (times)		
2.1	- Debt/Total Assets Ratio	0.34	0.35
2.2	- Debt/Equity Ratio	0.52	0.55
3	Profitability indicator (%)		
3.1	- Net Profit Margin/Net Revenue Ratio	15.30%	14.79%



No.	Target	Year 2024	Year 2025
3.2	- Net Profit/Equity Ratio	26.13%	27.30%
3.3	- Net Profit/Total Assets Ratio	17.17%	17.66%
3.4	- Net profit from business operations/Net revenue ratio	18.77%	18.32%
3.5	- Earnings per share (EPS) (VND/share)	4,022	4,028

(Source: Audited consolidated financial statements of VNM for 2024 and 2025, enterprise data from FiinPro-X and calculations by ACBS. Financial ratios (1.1 to 3.4) are calculated based on ending balances.)

3. Warrant distribution period

ACBS plans to distribute warrants immediately after receiving the Certificate of Registration for Offering Covered Warrants from the State Securities Commission as per regulations.

The distribution of warrants to investors is expected to be carried out within **10 working days** from the effective date of the Certificate of Registration for Offering of Covered Warrants, of which the period for investors to register for purchase shall be at least **03 days**.

The expected warrant distribution schedule is as follows:

No.	Content	Estimated time	Note
1	State Securities Commission issues Certificate of Registration for Offering Covered Warrants	T	Working day
2	Publish information regarding the Certificate of Registration for the Offering of Covered Warrants issued by the State Securities Commission.	T → T+1	Within 24 hours from date T
3	Publish information about the issuance on the website of the issuer and the stock exchange, including: - Warrant Issuance Notice - Warrant Offering Prospectus	T+2 → T+3	Within 3 working days from date T
4	Publish the Warrant Issuance Notice in one electronic or print newspaper for three consecutive issues.	T+2 → T+7	
5	Distribute warrant (where the minimum subscription period for investors is 3 days)	T+3 → Maximum T+7	
6	Report and disclose information on the results of warrant distribution (within 3 working days from the date of completion of warrant distribution).	T+8 → T+9	Within 3 working days from day T+7

**(*) Note:**

- The specific distribution schedule will be officially announced in the Warrant Issuance Notice.
- The deposit for payment security obligation is deposited by ACBS at the custodian bank for the entire validity period of the warrants and must maintain a minimum of 50% of the value of the issued warrants, excluding the number of warrants that have been delisted. This asset may not be used as collateral, mortgage, or security for loans or other financial obligations of ACBS or any other third party.
- The distribution of warrants will only take place after ACBS ensures that warrant buyers have access to the Prospectus.

4. Warrant subscription**Registration period**

ACBS will officially announce the subscription registration period in the Warrant Issuance Notice after the State Securities Commission grants the Certificate of Registration for Offering Covered Warrants. The period available for investors to register for subscription shall be at least **03 days** and is expected to follow the schedule set out in Section 3, Part VI above.

Registration method

Investors register to purchase through online channels:

- Visit SMART.acbs.com.vn
- Through the ACBS SMART application

Payment method

When registering to purchase warrants, investors simultaneously deposit the warrant purchase price into the Company's escrow account according to the following information:

- Account holder: **ACB SECURITIES COMPANY.**
- Account number: 8680105331 at BIDV Bank, Nam Ky Khoi Nghia Branch.

Method for handling undistributed warrants

In the event that the total number of warrants subscribed by investors is less than the number of warrants offered, the issuer may transfer the unsold warrants to its proprietary trading account and continue to distribute them through market-making activities on the HOSE trading system after the warrants are listed on HOSE.

In case the number of warrants subscribed exceeds the number of warrants offered for sale

In the event that the total number of warrants subscribed by investors exceeds the number of warrants offered, the number of warrants each investor is entitled to purchase will be determined based on the principle of allocation according to the subscription ratio of the investors, specifically as follows:



$$\begin{array}{l} \text{The number of warrants} \\ \text{each investor is allowed to} \\ \text{purchase.} \end{array} = \text{Total number of warrants offered} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Number of warrants each} \\ \text{investor registered to} \\ \text{purchase} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Total number of warrants} \\ \text{registered for purchase by} \\ \text{investors} \end{array}}$$

The number of warrants allocated to each investor will be rounded down to the nearest hundred (**100 warrants**), and the total number of warrants distributed to all investors will not exceed the total number of warrants offered.

In the event that any remaining warrants arise after rounding down (if any), these warrants will be allocated equally among investors with the largest equal purchase volume. If, after the above allocation, there are still remaining warrants, these remaining warrants will be allocated to ACBS's proprietary trading account.

5. Cancellation of the covered warrant offering

In the event that the Company's public offering of securities is canceled in accordance with Article 28 of the Securities Law 2019 and other relevant regulations (if any), the Company is responsible for disclosing information about the cancellation of the offering in accordance with the law. Simultaneously, within 15 (fifteen) days from the date the offering is canceled, the Company will recall all issued securities and fully refund the amount paid by investors (excluding interest, if any), through the payment method announced by the Company during the offering. After the aforementioned period, the Company is responsible for compensating investors for damages in accordance with the published commitments and relevant laws.

6. Exercise of warrants

6.1. When warrants reach their maturity date, payment will be made as follows (assuming that day T is the last registration date, which is also the maturity date, and T is calculated in working days):

- Day T - 7: VSDC prepares and sends to HOSE and the Depository Members a Notice regarding the closing of the list of warrant holders for exercise of warrants.
- Day T: ACBS sends VSDC a notification of the warrant settlement price.
- Day T + 1 (9:00 AM): VSDC creates and transfers the List of Warrant Holders to the Custodian Member (in the form of electronic documents).
- Day T + 1 (11:00 AM): The depository member verifies the information in the List provided by VSDC and sends VSDC a confirmation notification (in the form of an electronic document).

In the event of confirmation of errors or discrepancies in data, the Depository Member must



send VSDC a document specifying the erroneous or inaccurate information for coordination with VSDC to make corrections. Immediately after the corrections are made, VSDC will provide the corrected List to the Depository Member (in electronic form).

- Day T + 2: VSDC sends ACBS the consolidated list of warrant holders.
- Day T + 3: ACBS sends VSDC a Confirmation Notice of the Consolidated List of Warrant Holders. If ACBS does not approve the information in the List, it must send a written notice to VSDC stating the reasons.

On day T+3, ACBS transfers the full payment amount to the warrant holder's deposit account as notified by VSDC.

- Day T + 4: VSDC allocates payment funds to warrant holders into the account of the relevant Depository Member. The Depository Member is responsible for allocating funds to warrant holders on the settlement day (Day T + 5).
- Day T + 5: is the payment date. On this date, the Depository Member allocates the payment to the investors.

Note:

- The payout amount per warrant unit: This is the amount per warrant unit in the case where the settlement price is greater than the exercise price, calculated from the difference between the settlement price and the exercise price, equal to [(settlement price – Exercise price)/conversion ratio].
- The settlement price of the warrant upon exercise of the right is the average closing price of the underlying securities during the five (05) trading days immediately preceding the maturity date, excluding the maturity date.
- In cases where the underlying securities price is adjusted in accordance with the Regulations of the Stock Exchange within five (05) trading days prior to the maturity date, the closing price of the underlying stock on the trading days preceding the ex-date shall be adjusted accordingly. The calculation methodology and rounding rules applied to these adjusted closing prices shall be consistent with those applied on the ex-rights trading date. The Issuer shall determine the settlement price used as the basis for calculating the cash settlement amount and disclose this settlement price for all outstanding warrants on the maturity date.

Example:

The covered warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48 (HOSE: CVIB2306) has:

- Last trading date: August 21, 2024
- Maturity date: August 23, 2024
- The warrant settlement price is the average closing price during the last 05 (five) trading days of the underlying security (VIB shares) preceding the maturity date, excluding the maturity date. In



this case, the closing price of VIB shares is determined over the following 05 (five) days:
16/08/2024, 19/08/2024, 20/08/2024, 21/08/2024, 22/08/2024.

During the five (05) days used to calculate the average price, VIB has an ex-rights event resulting in an adjustment to the underlying securities price:

The Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) announced (Notice No. 1453/TB-SGDHCM) the record date as follows:

- Listed organization: Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
- Stock code: VIB
- Security type: Ordinary shares
- Par value: VND 10,000
- Ex-date: August 22, 2024
- Record date: August 23, 2024
- Purpose: Issuance of bonus shares from equity to increase charter capital by VND 4,312,572,810,000
- Exercise ratio: 100:17

Accordingly, the settlement price of warrant CVIB2306 is calculated as follows:

Date	VIB - closing price (unadjusted)	VIB - adjusted closing price (before rounding)	VIB - adjusted closing price (rounded)
22/08/2024 (Ex-date of VIB)	18,400	18,400.0	18,400
21/08/2024	21,350	$[21,350/(1 + 17\%)] = 18,247.9$	18,250
20/08/2024	21,400	$[21,400/(1 + 17\%)] = 18,290.6$	18,300
19/08/2024	21,500	$[21,500/(1 + 17\%)] = 18,376.1$	18,400
16/08/2024	21,150	$[21,150/(1 + 17\%)] = 18,076.9$	18,100
Settlement price of warrant CVIB2306		$[18,400 + 18,250 + 18,300 + 18,400 + 18,100]/5 = 18,290$	

- Net payment amount: This is the amount paid after deducting any costs associated with exercising the right (personal income tax and other expenses, if any).
- If the investor does not place an order to exercise the warrant, the profitable warrant will be automatically exercised in cash on the maturity date.

6.2. Measures to be taken in case the Issuer becomes insolvent:

In the event that the issuing organization becomes insolvent, payment to investors shall be made in accordance with Clause 3, Article 13 of Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025, issued by the Ministry of Finance guiding covered warrants. Assets used to pay investors shall come from the following sources:

- Hedging assets and other assets held in the proprietary trading account;
- Assets held in an escrow account at the custodian bank;



- Payment guarantee or other collateral (if any);

If the issuer still lacks sufficient assets to pay the investors, the matter will be resolved according to the relevant legal provisions applicable to partially secured creditors.

7. Rights of warrant holders

- Rights of the warrant holder: the warrant holder is entitled to receive the difference when the price of the underlying security is higher than the exercise price at the time of exercise.
- In the event of the issuer's insolvency, bankruptcy, or dissolution: the settlement of rights for warrant holders shall be carried out in accordance with the relevant laws applicable to partially secured creditors.
- In the event that warrants are delisted due to the issuer suspending or temporarily ceasing operations; merging, consolidating, dissolving, going bankrupt, or having its establishment and operation license revoked; when the registration dossier for the warrant offering is found to contain false or omitted important information that could affect investment decisions and cause losses to investors; due to the delisting of the underlying securities; or when the stock index cannot be determined due to force majeure reasons as clearly stipulated in the principles for index determination; or when the Stock Exchange deems it necessary to protect the rights of investors, the method for calculating the settlement price of warrant holders from the effective date of delisting shall be applied according to the Black-Scholes formula as stated in section 1.1, part V of this Prospectus.

8. Warrant adjustments

- The issuer must adjust warrants in the following cases: The price of the underlying security is adjusted due to the issuer distributing cash dividends, issuing shares to pay dividends, issuing shares to increase share capital from equity, issuing new shares, etc.
- Adjustment of the exercise price and conversion ratio upon occurrence of corporate actions relating to the underlying securities:
 - ✓ Adjustment time: The ex-dividend date of the underlying asset.
 - ✓ New exercise price = Old exercise price x (Adjusted reference price of the underlying asset on the ex-dividend date/Unadjusted reference price of the underlying asset on the ex-dividend date).
 - ✓ New conversion ratio = Old conversion ratio x (Adjusted reference price of the underlying asset on the ex-dividend date/Unadjusted reference price of the underlying asset on the ex-dividend date).
- The adjusted conversion ratio or exercise price shall be rounded to 4 decimal places
- Any further adjustments will be based on HOSE's adjustment decision, and the issuer will make appropriate adjustments in accordance with regulations.

9. Fees, charges and taxes arising from trading or exercising warrants

- **Transaction fees:** These apply when investors place buy or sell orders for warrants. The fee



rate is determined by the securities company where the investor has opened their warrant trading account.

- **Tax:** When investors transfer warrants, hold warrants until maturity, and exercise profitable warrants, the applicable tax rate is 0.1% on the warrant transfer price for each transaction.

Note: In some cases, the amount of tax payable may be higher than the amount paid by the investor received from the issuer, depending on the correlation between the settlement price of the underlying security, and conversion ratio.

Examples of how to calculate taxes:

- ✓ **Case 1:** Applies when the investor transfers warrants before the maturity date (tax rate of 0.1% on the transfer price of the warrants for each transaction).

Example 1: An investor buys 100 call warrants with MWG as the underlying asset at a price of VND 2,000/warrant, a conversion ratio of 1:1, and a strike price of VND 30,000. If the investor sells these 100 warrants at a price of VND 3,000/warrant, the tax payable is: $VND\ 3,000 \times 100 \times 0.1\% = VND\ 300$.

- ✓ **Case 2:** Applies when an investor holds warrants and these warrants are delisted before the maturity date (tax rate of 0.1% on the warrant transfer price for each transaction). In this case, the warrant transfer price for each transaction is:

- The repurchase price at the market price set by the Issuer through market-making activities x Number of warrants (before the effective delisting date); or;
- The settlement price of the warrants is announced by the issuer x Number of warrants (after the effective delisting date).

Example 2: Corresponding to the assumptions in Example 1, if the warrants are delisted and the issuer announces the settlement price of the warrants as VND 3,000/warrant, then the tax the investor must pay for the 100 warrants they own is: $3,000 \times 100 \times 0.1\% = VND\ 300$.

- ✓ **Case 3:** Applies when the investor holds the warrant until maturity and exercises the warrant for a profitable warrant (tax rate of 0.1% on the warrant transfer price for each transaction). In this case, the warrant transfer price for each transaction equals the settlement price of the underlying security multiplied by (x) the number of warrants divided by the conversion ratio.

Example 3: Corresponding to the assumptions in Example 1, if the settlement price of the underlying security announced by the Stock Exchange at the time of exercising the right is VND 30,000/share, then the tax the investor must pay when exercising the right for 100 warrants they own is: $VND\ 30,000 \times 100 \times 0.1\% = VND\ 3,000$

- ✓ **Case 4:** In some cases, the amount of tax payable may be higher than the amount of payment the investor receives from the issuer, depending on the correlation between the settlement price of the underlying security and the conversion ratio.



Example 4: An investor buys 100 call warrants with MWG as the underlying asset, with a conversion ratio of 1:1 and a strike price of VND 100,000.

If an investor holds the warrant until the maturity date and the settlement price of the underlying security announced by the Stock Exchange at the time of exercising the right is VND 100,100/share, then the warrant will expire in a profitable state and the investor will receive a payment from the issuer of: $(100,100 - 100,000) \times 100 = \text{VND } 10,000$.

Tax payable for 100 warrants = $100,100 \times 100 \times 0.1\% = \text{VND } 10,010$.

Therefore, in this case, the amount of tax payable by the investor is higher than the amount of payment received by the investor by $(10,010 - 10,000) = 10 \text{ VND}$.

- **Exercise fee:** Investors must pay VSDC a fee as stipulated.
- **Custody and transfer fees :** Applied according to VSDC regulations.

10. Market-making activities

ACBS must participate in placing market-making orders within five (05) minutes from the occurrence of one of the following events:

- ✓ *There is only a buy order or only a sell order for the warrant.*
- ✓ *There are no buy or sell orders for the warrants.*
- ✓ *The market price spread exceeds 5%. The price spread is the percentage of (lowest bid price – highest bid price) / highest bid price.*

When participating in the market making activity, ACBS must comply with the following:

- ✓ *The minimum order size is 100 warrants.*
- ✓ *The type of order used is a limit order.*
- ✓ *Order prices must ensure that the spread does not exceed 5%*
- ✓ *In the absence of buy and sell orders for warrants, ACBS must quote prices in both directions (placing both bid and ask orders).*
- ✓ *The minimum time an order remains on the trading system is one (01) minute.*

In the following cases, ACBS is not required to perform market-making activities:

- ✓ *The periodic order matching session determines the opening price (ATO), the first five (05) minutes after the end of ATO, and the periodic order matching session determines the closing price (ATC).*
- ✓ *Trading of the underlying asset of the warrant has been suspended.*
- ✓ *The theoretical price of the warrant, calculated according to the formula stated in ACBS's prospectus, is less than or equal to 10 VND.*
- ✓ *If the number of warrants in the market maker account does not meet the minimum quantity (100 warrants), ACBS will be exempt from placing sell orders.*
- ✓ *Since no warrants have been issued (in the case that ACBS has not yet sold any warrants*



to investors), ACBS is exempt from placing buy orders.

- ✓ In the event of delisting warrants, ACBS is exempt from placing sell orders.
- ✓ If the warrant price reaches the ceiling (excess buy orders at the ceiling price), ACBS is exempt from placing sell orders, or if the warrant price falls to the floor (excess sell orders at the floor price), ACBS is exempt from placing buy orders.
- ✓ When the underlying security price reaches its ceiling (excess buy orders at the ceiling price), ACBS is exempt from placing sell orders for call warrants and is exempt from placing buy orders for put warrants.
- ✓ When the underlying stock price falls to its floor price (excess sell orders at the floor price), ACBS is exempt from placing buy orders for call warrants and exempt from placing sell orders for put warrants.
- ✓ Warrants are in-the-money by 30% or more (i.e., for call warrants, the underlying security price is more than 30% above the exercise price); ACBS is exempt from placing sell orders.
- ✓ Within 14 days before the warrant expires.
- ✓ When force majeure events occur, such as natural disasters, fires, wars, etc.
- ✓ Other cases will be applied by the Stock Exchange after obtaining the approval of the State Securities Commission.
- ✓ The Vietnam Stock Exchange will monitor ACBS's market-making pricing practices and request explanations from ACBS if necessary.

VII. PAYMENT GUARANTEE PLAN FOR HOLDERS OF COVERED WARRANTS

1. Payment to warrant holders is secured by the following sources of assets

- a. Hedging assets and other assets held in the proprietary trading account;
- b. Assets held in an escrow account at a custodian bank;
- c. Payment guarantee or other collateral (if any).

2. In the event that there are insufficient assets to settle the warrant exercise, the settlement of rights for covered warrant holders shall be carried out in accordance with the relevant laws applicable to partially secured creditors.

VIII. RISK MANAGEMENT OF COVERED WARRANT

1. Risk management process

1.1. Role of senior management in monitoring risk management, including the roles of relevant departments

✚ ACBS Members' Council

- Approve ACBS's warrant issuance activities within the limits stipulated at ACBS.
- Approve the allocation of funds for the entire warrant issuance activity in accordance with



the regulations of the State Securities Commission and the law.

- Approve scenarios for risk hedging activities related to warrant issuance, including but not limited to determining size limits, maximum loss limits, expected returns, and hedging positions; in accordance with investment limits and risk appetite in investment activities approved by the Board of Members of ACBS (if any).
- Approve and issue the risk management procedure and related internal procedures.

✚ **ACBS President & CEO**

- Responsible for implementing approvals from the Board of Members of ACBS.
- Act in accordance with the decision-making authority and limits set by the Board of Members of ACBS.
- Ensure that the process is fully and clearly established and organized.

✚ **Risk Management Department**

- Propose position limits and stop-loss limits for hedging activities.
- Monitor and warn of risks related to limitations in hedging operations for warrant issuance activities, market risks, and other fluctuations affecting ACBS's capital and benefits.
- Provide recommendations or warnings when risk mitigation activities for warrant issuance reach internal or regulatory limits or constraints.

✚ **Derivatives Market Department**

Monitor, comply with, and warn of risks related to the limitations of hedging activities for warrant issuance, market risks, and other fluctuations affecting ACBS's capital and benefits. Simultaneously, immediately report these matters to the competent authority for review and appropriate action.

✚ **Legal Department**

Verify the legal compliance of the contents of the Risk Management Procedure related to ACBS's warrant issuance activities.

✚ **Internal Control Department**

Monitoring the implementation of risk management regulations and procedures to ensure these activities are carried out carefully, in the correct order, and in compliance with internal regulations and applicable laws.

1.2. Risk management process

ACBS implements a risk management process in its warrant trading operations following these steps, procedures:

✚ **Step 1: Identify potential risks arising from warrant trading.**

In the issuance of warrants, ACBS may encounter the following main risks:

- a. Payment risk :** This risk arises when ACBS is unable to fulfill part or all of its committed



obligations to investors. For example, ACBS becomes insolvent when investors exercise their rights due to insufficient shares or cash.

b. Market risk:

- Risks arise from micro and macroeconomic fluctuations that negatively impact one or more industries or specific businesses, thereby causing panic and sell-offs of warrants or underlying assets.
- Risks arise from fluctuations stemming from socio-political factors both domestically and internationally, leading to widespread sell-offs of warrants or underlying assets;
- Risk of price manipulation or liquidity manipulation that is not promptly detected and prevented.

c. Legal risks:

- Risks arise from ACBS's business policies not complying with current legal regulations;
- Risks arise from ACBS departments, operations, and employees performing their work in a manner that does not comply with current legal regulations.
- Risks arise from unfavorable changes in relevant legal regulations or ACBS's difficulty in quickly adapting to changes in legal requirements, resulting in incomplete compliance with legal regulations.
- Risks arise from unclear terms in economic contracts, leading to customer lawsuits or ACBS being unable to sue customers, or having a low chance of winning the case.
- Legal risks may arise that lead to ACBS being fined, warned, temporarily suspended from operation, or having its warrant trading license revoked.

d. Operational risks:

- Risks arise because ACBS has not yet finalized/updated its current operating procedures.
- Risks arising from human error or system issues may lead to clients conducting transactions that do not comply with regulations at ACBS.
- Risks arise from human error or trading system errors leading to incorrect calculations of hedging ratios/values, resulting in the purchase or sale of underlying securities/warrants exceeding the risk neutrality.
- Risks arise from employees inadvertently or intentionally failing to follow procedures and guidelines in operational departments.
- Risks arise from external objective factors such as natural disasters, wars, epidemics, etc.

- e. Liquidity risk:** The risk that arises when ACBS is unable to execute, or executes at a higher cost, buys/sells transactions to achieve risk neutrality due to the stock's lack of or low liquidity.



✦ Step 2: Risk Analysis

- e. **Payment risk:** Given ACBS's scale and history of managing funds and assets, the likelihood of this risk occurring at ACBS is low. In addition, ACBS also implements hedging activities as required by regulations to ensure that shares are paid to customers on the exercise date.
- f. **Market risk :** This is the biggest and most likely risk, as well as the most difficult to prevent, in the business of issuing covered warrants; when this risk arises, it also causes significant losses to ACBS's business operations.
- g. **Legal risks:** These can occur if ACBS inadvertently fails to properly perform an activity due to a lack of consultation from the Legal sub-department, or because it has not yet updated its practices to reflect changes in regulations and policies.
- h. **Operational risks:** Risks related to software system errors are possible, in addition to risks related to employees making mistakes in procedures.
- i. **Liquidity risk:** Under normal market conditions with large-cap stocks, this risk is low. However, liquidity risk can still occur due to sudden positive/negative news about the company, or information that negatively impacts the entire market.

✦ Step 3: Risk Control

Based on an assessment of the significant risks that may occur in warrant trading at ACBS, the company has developed specific risk control measures for each type of risk as follows:

a. Payment risk:

- Risk hedging principle:
 - ✓ *Maintain a neutral risk hedging ratio at a certain rate, but not lower than the requirements of the Securities and Exchange Commission;*
 - ✓ *In addition, ACBS always maintains reserve assets to ensure its ability to meet payment obligations when maturing warrants.*
- Method of exercise:
 - ✓ *Daily purchase/sale of underlying securities and warrants to ensure the risk-neutral hedging ratio.*
 - ✓ *ACBS's overall liquidity risk assessment includes any anticipated payment obligations arising from maturing warrants.*
- Infrastructure for implementation: Trading software system, Excel software, BI system, monitoring reports.

b. Liquidity risk

- Risk hedging principle: Ensure that hedging transaction costs are kept to a minimum.
- How to implement it: Always trade to ensure a regulated risk neutrality ratio, only issue warrants for large-cap and stable-liquidity stocks. In addition, there are regulations on



the maximum volume of shares or underlying assets that must be traded to limit liquidity risk.

- Infrastructure for implementation: Trading software system, monitoring reports.

c. Operational risk

- Risk hedging principle: Minimize the occurrence of operational risk events.
- Method of exercise:
 - ✓ *The business units have established comprehensive operational procedures related to the trading of covered warrants.*
 - ✓ *Provide full training on products and operating procedures.*
 - ✓ *Conduct risk awareness and risk hedging training for all personnel to minimize potential fraud.*
 - ✓ *Thoroughly test all trading and support software systems before deployment. In addition, always take into account feedback from ACBS customers or staff to make adjustments if necessary.*
 - ✓ *There is support, inspection, and supervision from the risk management sub-department, internal control sub-department.*
- Implementation tool:
 - ✓ *Work processes.*
 - ✓ *Instructional and training materials.*

d. Legal risks

- Risk hedging principle: Comply with relevant legal regulations.
- Method of exercise:
 - ✓ *The legal department reviews processes or product policies before they are released and put into use.*
 - ✓ *The legal department regularly updates itself on changes in legal documents so that it can promptly adjust business operations if necessary.*
 - ✓ *Providing awareness training for ACBS employees on the legal risks of violating regulations.*
- Tools used: Legal documents, policies, and procedures of ACBS.

✦ Step 4: Risk Monitoring

- Risk management activities are monitored daily or periodically through specific monitoring reports as stipulated by the State Securities Commission, Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE), and ABCS. Risk monitoring for hedging activities is carried out according to the hedging procedure.
- Regularly analyze and assess past risks to identify areas with high potential risks and



implement appropriate risk mitigation and control measures.

1.3. Transaction controls, credit limits and margin requirements (as specific to the Issuer)

✦ Transaction control

- For client transactions: orders are only entered into the system when the buyer has sufficient funds and the seller has the securities ready for sale.
- For proprietary trading: investment limits for proprietary trading are approved by the Investment Council. Proprietary trading is completely separate from client trading.

✦ Margin limit: Implemented according to Decision 87/QD-UBCK dated January 25, 2017 of the State Securities Commission on guiding margin trading loans for securities companies:

- The total outstanding margin lending balance of a securities company must not exceed 200% of the securities company's equity.
- The total amount of margin trading loans provided by a securities company to a single client must not exceed 3% of the securities company's equity.
- The total outstanding margin lending balance of a securities company for a single security must not exceed 10% of the securities company's equity.
- The total number of securities lent for margin trading by a securities company must not exceed 5% of the total number of listed securities of a listed organization.

1.4. Credit rating agency: None

2. Risk hedging plan

2.1. Purpose of hedging

To ensure the ability to pay warrant holders and effectively limiting losses caused by potential risks to ACBS and warrant holders.

2.2. Organization of hedging activities

The board of management is responsible for

- Directing the development of strategies, policies, and procedures for managing warrant risks.
- Assign responsibilities and monitor the implementation of the risk management process that has been issued by the competent authority.
- Monitor performance and be accountable to the competent authority for the exercise of rights and responsibilities in risk management.

The Internal Control Sub-Department (part of the Internal Control Department) is responsible for

- Monitor and supervise compliance with legal regulations, company charter, decisions of the Board of Members, and related documents.



-
- Inspect and monitor issuance and risk mitigation activities in accordance with company regulations, procedures, and policies.
 - Monitor and assess any conflicts of interest (if any).

The Risk Management Sub-Department (part of the Risk Management Department) is responsible for

- Monitor and supervise the risk prevention activities of the department directly involved in hedging of warrants.
- Warning to the board of management regarding the limits set by ACBS, the Stock Exchange, and the State Securities Commission related to the issuance and hedging of warrants.
- Advise the board of management on measures to prevent, mitigate, and manage risks.
- Ensure that risks are managed in accordance with ACBS policies and compliance with risk management regulations issued throughout the system.

The Derivatives Market Department is responsible for

- Directly involved in the risk hedging process for warrants.
- Conducting hedging activities involving the purchase and sale of underlying securities, and submitting daily reports on the difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position as required by the State Securities Commission and the Stock Exchange.
- Responsible for providing information and coordinating with the the Risk Management Department to manage and control risks for covered warrant.

Information about the personnel in the department directly responsible for risk hedging activities for warrants.

Mr. Huynh Minh Tuan – Head of Derivatives Market Department.

Professional qualifications: Chartered Financial Analyst Level 3 (CFA Level 3), Securities Practitioner Certificate in Financial Analysis issued by the State Securities Commission.

Experience: 8 years of experience working in the field of securities analysis and investment.

2.3. General implementation principles

ACBS applies a delta-neutral hedging strategy, meaning that along with issuing warrants, ACBS will simultaneously execute buy and sell transactions of the underlying securities to keep ACBS's total hedging position from falling below the minimum hedging ratio required by the State Securities Commission when the price of the underlying securities changes.

a. Hedging securities



- The underlying securities of warrants.

b. Risk hedging position

How to calculate the risk hedging factor

- The risk hedging factor applied by ACBS is the Delta factor.
- Delta: The delta risk hedging factor is the value representing the change in the warrant price in response to a change in the price of the underlying security.
- Delta is calculated based on the Black-Scholes formula as follows:

$$\text{Delta}_{\text{CALL}} = N(d_1)$$

In there:

- $\text{Delta}_{\text{CALL}}$: Delta value of the call covered warrants;
- $N(d_1)$: Cumulative normal distribution probability, with d_1 determined by the Black-Scholes valuation formula as follows:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

The input parameters in the above formula are defined as follows:

Parameter	Calculation method
X: The exercise price of the warrants	This is determined by ACBS depending on market conditions at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants.
S: Current price of the underlying security.	This is the closing price of the underlying security at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants or at the time of calculation for the report.
T: Remaining time until maturity (calculated annually)	The number of days from the calculation date to the maturity date of warrants / 365.
r_c : Risk-free interest rate (calculated annually).	The average 12-month savings interest rate of the four banks Vietcombank, Vietinbank, BIDV, and Agribank at the time ACBS is officially licensed to make its initial public offering of warrants or at the time of calculation for this report, plus a margin of 2%.
σ : Expected price volatility of the underlying security (calculated annually).	Expected price volatility = past price volatility x (1 + adjustment factor) In there: f. The past price volatility of an underlying security is



	determined over the most recent 12 months. g. The adjustment factor is determined based on market demand for warrants and underlying securities, the liquidity of the warrants and underlying securities, and the expected price volatility of similar warrants.
k: Warrant conversion ratio	This is the number of warrants required to convert into one unit of the underlying security.

Theoretical risk hedging position

- ACBS determines the theoretical hedging position based on the Black-Scholes formula as follows:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI} / k$$

Of which:

- P: The number of underlying securities that ACBS plans to hold to hedge against the risk of the warrants.
- OI: Determines the theoretical risk hedging position. OI = Number of outstanding warrants + Number of warrants sold from the proprietary trading account but not yet recorded in the investor's account by VSDC - Warrants awaiting delivery to the issuer's proprietary trading account.
- k: The conversion ratio of warrants.
- Delta: The delta risk hedging factor is the change in the warrant price corresponding to a change in the price of the underlying security, calculated using the formula $\text{DeltaCALL} = N(d1)$.

Actual risk hedging position

- The difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position on day T of the warrant is determined as follows:

$$\Delta p_T \% = (P_T - p_T) / P_T \times 100 \%$$

Of which:

- $\Delta p_T \%$: The difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position on day T.
- P_T : The theoretical hedging position of a warrant on day T.
- p_T : The actual hedging position of the warrant on day T.
- P.TTPS ACBS implements risk hedging measures to ensure that the difference between the theoretical hedging position and the actual hedging position at the end of the trading day does not exceed 20%.
- To hedging risks, P.TTPS must ensure compliance with the principles stipulated in the



Investment Policy and the approval of the Investment Council regarding risk hedging limits for each period. Any instances exceeding these limits require the approval of the President & CEO or the competent authority.

- The hedging position must be managed by ACBS on a case-by-case basis.

c. Risk prevention plan

- ACBS applies a delta-neutral hedging strategy, meaning that along with issuing warrants, ACBS will simultaneously execute buy and sell transactions of the underlying securities to keep ACBS's total hedging position from falling below the minimum hedging ratio required by the State Securities Commission when the price of the underlying securities changes.

d. Illustrative example

- Assume that ACBS issues covered warrants with the following input parameters:
 - Underlying asset: ABC (hypothetical underlying security ticker symbol).
 - Issuance date: October 15, 2020.
 - Listing date: October 22, 2020.
 - Maturity date: January 15, 2021.
 - Conversion Ratio: 1:1.
 - Interest rate: 7%.
 - Expected price volatility: 36%.
 - Exercise Price: 24,000.
- ACBS buys and sells ABC shares when the ABC share price changes as follows:

Day	ABC stock price (VND)	Delta	Number of outstanding warrants	Theoretical risk hedging position (Shares)	Actual risk Hedging position (Shares)	Change in Number of ABC shares
21/10/2020	24,000	0.57	1,000,000	570,000	700,000	0
22/10/2020	25,000	0.66	900,000	594,000	700,000	0
23/10/2020	23,500	0.53	900,000	477,000	700,000	0
26/10/2020	24,500	0.62	950,000	589,000	700,000	0
27/10/2020	26,000	0.74	1,000,000	740,000	900,000	+ 200,000
28/10/2020	25,000	0.66	1,000,000	660,000	800,000	-100,000

3. Experience in warrant issuance:

ACBS has issued warrants with the following parameters:

- ✦ **The covered warrants are outstanding and listed on HOSE**



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
1	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.6778:1	25,885 VND	19,000,000
2	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/88	CMBB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	2.4028:1	21,626 VND	19,000,000
3	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/89	CMWG2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	6.8926:1	83,696 VND	19,000,000
4	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60,000 VND	19,000,000
5	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Call	10 months	26/12/2025	26/10/2026	3.9176:1	36,238 VND	19,000,000
6	Warrant FPT/ACBS/Call/EU /Cash/10M/93	CFPT2610	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	11.8370:1	83,845 VND	19,000,000
7	Warrant MSN/ACBS/Call/E U/Cash/10M/94	CMSN2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85,000 VND	11,000,000
8	Warrant TPB/ACBS/Call/E U/Cash/10M/95	CTPB2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	2:1	18,000 VND	11,000,000
9	Warrant VHM/ACBS/Call/E U/Cash/10M/96	CVHM2609	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	4.3334:1	62,593 VND	11,000,000
10	Warrant VIB/ACBS/Call/EU /Cash/10M/97	CVIB2604	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.7320:1	16,020 VND	15,000,000
11	Warrant VNM/ACBS/Call/E U/Cash/10M/98	CVNM2605	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	5.8148:1	62,993 VND	11,000,000
12	Warrant VPB/ACBS/Call/E U/Cash/10M/99	CVPB2608	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	1.9651:1	29,476 VND	15,000,000
13	Warrant VRE/ACBS/Call/E U/Cash/10M/100	CVRE2603	Call	10 months	15/04/2026	15/02/2027	2.8973:1	29,938 VND	11,000,000
14	Warrant HPG/ACBS/8M/10 2 - 8-month term	CHPG2625	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25,000 VND	18,000,000
15	Warrant MBB/ACBS/8M/10 3 - 8-month term	CMBB2614	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	1.6019:1	20,825 VND	18,000,000
16	Warrant MWG/ACBS/8M/1 04 - 8-month term	CMWG2616	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	6.8926:1	80,742 VND	18,000,000
17	Warrant STB/ACBS/8M/105	CSTB2619	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79,000 VND	18,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
	- 8-month term Warrant								
18	TCB/ACBS/8M/106 - 8-month term Warrant	CTCB2611	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	3:1	34,000 VND	18,000,000
19	VPB/ACBS/8M/107 - 8-month term Warrant	CVPB2615	Call	08 months	17/06/2026	17/02/2027	2:1	28,500 VND	18,000,000
20	FPT/ACBS/8M/101 - 8-month term Warrant	CFPT2631	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	12:1	72,000 VND	15,000,000
21	MSN/ACBS/8M/109 - 8-month term Warrant	CMSN2626	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	69,000 VND	15,000,000
22	SHB/ACBS/8M/110 - 8-month term Warrant	CSHB2620	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	2:1	12,500 VND	5,000,000
23	VHM/ACBS/8M/112 - 8-month term Warrant	CVHM2620	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	10:1	76,000 VND	4,000,000
24	VIB/ACBS/8M/113 - 8-month term Warrant	CVIB2611	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	1.8267:1	13,700 VND	15,000,000
25	VNM/ACBS/8M/114 - 8-month term Warrant	CVNM2619	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	6:1	64,000 VND	11,000,000
26	VRE/ACBS/8M/115 - 8-month term Warrant	CVRE2610	Call	8 months	26/08/2026	26/04/2027	3:1	25,000 VND	4,000,000

✚ The covered warrants have expired

No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
1	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Call	3 months	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28,500 VND	2,000,000
2	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Call	6 months	05/01/2021	05/07/2021	0.7352:1	30,144 VND	4,000,000
3	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Call	9 months	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31,000 VND	2,000,000
4	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44,000 VND	10,000,000
5	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8301:1	78,641 VND	5,000,000
6	Warrant	CFPT2104	Call	4 months	04/08/2021	06/12/2021	9.8947:1	79,158	7,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
	FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/4M/10							VND	
7	Warrant MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Call	12 months	22/03/2021	22/03/2022	6.6444:1	89,699 VND	5,000,000
8	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45,000 VND	15,000,000
9	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30,000 VND	10,000,000
10	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Call	9 months	04/08/2021	04/05/2022	8.3261:1	98,248 VND	5,000,000
11	Warrant VHM/ACBS/Call /EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Call	9 months	17/11/2021	17/08/2022	9.7163:1	91,333 VND	15,000,000
12	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	3.7823:1	30,258 VND	10,000,000
13	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45,000 VND	5,000,000
14	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	8.2758:1	126,620 VND	5,000,000
15	Warrant MWG/ACBS/Call /EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	4.9711:1	72,080 VND	5,000,000
16	Warrant VNM/ACBS/Call /EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	9.6717:1	70,603 VND	5,000,000
17	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33,000 VND	5,000,000
18	Warrant VIC/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Call	6 months	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86,000 VND	5,000,000
19	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	18,000,000
20	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27,000 VND	4,500,000
21	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17,000 VND	9,000,000
22	Warrant	CMSN2214	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100,000	3,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
	MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/22							VND	
23	Warrant MWG/ACBS/Call /EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
24	Warrant VNM/ACBS/Call /EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	5.8946:1	66,806 VND	6,000,000
25	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29,000 VND	4,500,000
26	Warrant VHM/ACBS/Call /EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 VND	9,000,000
27	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70,000 VND	8,000,000
28	Warrant POW/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Call	8 months	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13,000 VND	2,000,000
29	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20,000 VND	24,000,000
30	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	8.4983:1	73,085 VND	8,000,000
31	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22,000 VND	10,000,000
32	Warrant MWG/ACBS/Call /EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Call	9 months	09/02/2023	09/11/2023	5.943:1	49,525 VND	12,000,000
33	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	9.8844:1	88,960 VND	10,000,000
34	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31,000 VND	12,000,000
35	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21,000 VND	10,000,000
36	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Call	7 months	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37,000 VND	9,000,000
37	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30,000 VND	19,000,000
38	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.6965:1	16,965 VND	20,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
39	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24,000 VND	25,000,000
40	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3.962:1	35,658 VND	9,000,000
41	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	1.5718:1	18,076 VND	15,000,000
42	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27,000 VND	14,000,000
43	Warrant VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50,000 VND	12,000,000
44	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66,000 VND	6,000,000
45	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Call	12 months	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25,000 VND	8,000,000
46	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48,000 VND	10,000,000
47	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27,000 VND	8,000,000
48	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Call	10 months	24/10/2023	23/08/2024	1.8879:1	16,047 VND	7,000,000
49	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	2.7268:1	28,177 VND	10,500,000
50	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.7003:1	20,403 VND	11,000,000
51	Warrant MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66,000 VND	10,000,000
52	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30,000 VND	10,500,000
53	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.6444:1	19,732 VND	10,000,000
54	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	7.4141:1	61,166 VND	8,000,000
55	Warrant VPB/ACBS/Call/	CVPB2401	Call	12 months	21/05/2024	21/05/2025	1.8488:1	19,412 VND	9,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
	EU/Cash/12M/55								
56	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	12.8473: 1	103,635 VND	12,000,000
57	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	2.4982: 1	20,818 VND	20,000,000
58	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.3033:1	16,943 VND	15,000,000
59	Warrant MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79,000 VND	6,000,000
60	Warrant MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5.9149: 1	69,007 VND	18,000,000
61	Warrant STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38,000 VND	11,000,000
62	Warrant TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4.8710:1	25,329 VND	12,000,000
63	Warrant VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38,000 VND	7,000,000
64	Warrant VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.6895: 1	15,205 VND	9,000,000
65	Warrant VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	5.4968:1	62,296 VND	9,000,000
66	Warrant VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	1.9471:1	21,418 VND	11,000,000
67	Warrant VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Call	12 months	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16,000 VND	6,000,000
68	Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/81	CFPT2519	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	6.8870:1	121,385 VND	16,000,000
69	Warrant HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30,000 VND	17,000,000
70	Warrant MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1.5:1	21,750 VND	17,000,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
71	Warrant MWG/ACBS/Call / EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	4.9291: 1	77,879 VND	17,000,000
72	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/85	CSTB2528	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49,000 VND	17,000,000
73	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Call	7 months	18/07/2025	23/02/2026	1.9484: 1	35,071 VND	16,000,000
74	Warrant FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/68	CFPT2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	11.0965: 1	115,234 VND	26,700,000
75	Warrant HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.4533:1	22,897 VND	31,900,000
76	Warrant MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.25:1	18,750 VND	35,200,000
77	Warrant MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60,000 VND	10,000,000
78	Warrant MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.9149:1	63,092 VND	27,600,000
79	Warrant STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40,000 VND	25,500,000
80	Warrant TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2.8624:1	27,193 VND	20,100,000
81	Warrant TPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9063:1	12,391 VND	12,900,000
82	Warrant VHM/ACBS/Cal/ EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58,000 VND	10,000,000
83	Warrant VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.6654:1	15,821 VND	16,600,000



No.	Warrant name	Warrant code	Type	Term	Issuance date	Maturity date	Conversion ratio	Exercise price (VND)	Total number of warrants offered
84	Warrant VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/78	CVNM2511	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	5.7358:1	52,579 VND	14,200,000
85	Warrant VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	1.9651:1	17,686 VND	29,500,000
86	Warrant VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Call	12 months	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23,500 VND	11,000,000

(The remainder of this page is intentionally left blank)



IX. RELATED PARTIES TO THE OFFERING**1. Audit organization**

- Company Name: KPMG Limited Company Branch
- Address: No. 115 Nguyen Hue Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
- Phone: (028) 3821 9266.
- Website: <https://home.kpmg/vn/vi>.

2. Custodian Bank

- Bank Name: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch
- Address: No. 56 (former), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: www.bidv.com.vn

3. Underwriting organization or distribution agent, advisory organization

None

X. CONFLICT OF INTEREST

We, our branches, transaction offices, and subsidiaries may engage in investment, brokerage, fund management, and other activities that may give rise to material information regarding the Company and/or the underlying securities or issuers, or may publish research reports relating to the Company and/or the underlying securities. Such activities, information, and/or research reports may relate to or affect the Company and the underlying securities, and may result in adverse consequences for investors or create conflicts of interest in connection with the issuance of warrants. We are under no obligation to disclose such information and may issue research reports and engage in any such activities independently of the warrant issuance.

In the normal course of business, we, our Head Office, branches, transaction offices, and subsidiaries may conduct transactions for our own account or for our clients and may participate in transactions related to the Company and/or the underlying securities or related derivative products. This may indirectly affect the interests of investors.

As of the date of submission of the application and completion of procedures relating to the offering of warrants based on the Issuer's underlying securities, ACBS is not a related party of the Custodian Bank, the Audit Organization or the issuer of the underlying securities.

**XI. UNDERTAKINGS**

The Issuer hereby undertakes full responsibility for the accuracy and truthfulness of the information contained in this Prospectus and all attached documents.

**XII. INTRODUCTION OF LEGAL DOCUMENTS RELATED TO WARRANT
ISSUANCE**

No.	RELEVANT LEGAL DOCUMENTS
1	Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020
2	Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024
3	Government Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 providing detailed implementation of certain articles of the Law on Securities and Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11 September 2025 amending and supplementing certain provisions of Decree No. 155/2020/ND-CP.
4	Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance on disclosure of information on the securities market, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024, Circular No. 18/2025/TT-BTC dated 26 April 2025, and Circular No. 08/2026/TT-BTC dated 03 February 2026.
5	Circular No. 121/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Minister of Finance on securities company operations.
6	Circular No. 122/2025/TT-BTC dated 22 December 2025 of the Minister of Finance guiding covered warrant activities.
7	Decision No. 72/QD-UBCK dated 18 January 2018 of the Chairman of the State Securities Commission promulgating the Regulation on offering and risk hedging of covered warrants.
8	Decision No. 34/QD-SGDHCM dated 20 January 2021 of the Chief Executive Officer of Ho Chi Minh City Stock Exchange promulgating the Regulation on listing and disclosure of covered warrants on Ho Chi Minh City Stock Exchange.
9	Decision No. 30/QD-HDTV dated 16 April 2025 promulgating the Regulation on registration and settlement of covered warrants at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
10	Other relevant legal documents.



XIII. APPENDIX

- License for the establishment and operation of the issuing organization;
- Resolution of the Board of Members approving the offering plan and the listing of warrants;
- Agreement on escrow of payment collateral / written confirmation of payment guarantee.

(The rest of the page is intentionally left blank)



Ho Chi Minh City,September...15..... 2026

ISSUER

ACB SECURITIES COMPANY

ACBS

PRESIDENT & CEO

[Signed]

CUSTODIAN BANK

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND

DEVELOPMENT OF VIETNAM

NAM KY KHOI NGHIA BRANCH

BIDV 

[Signed]